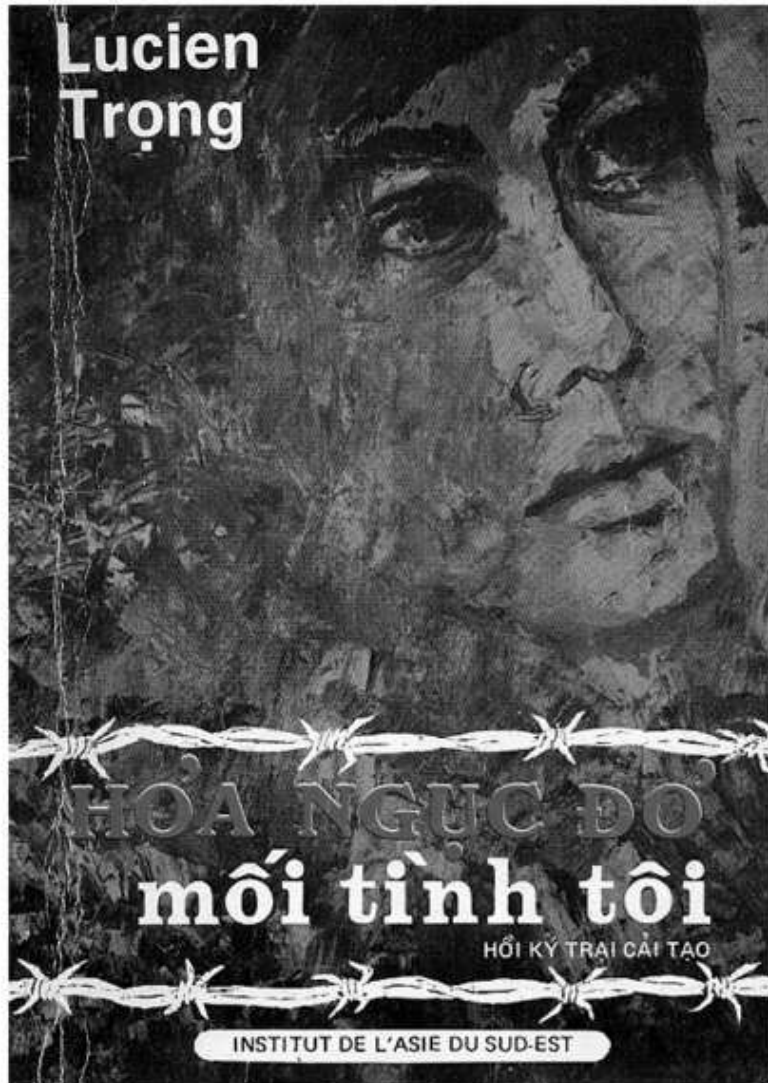


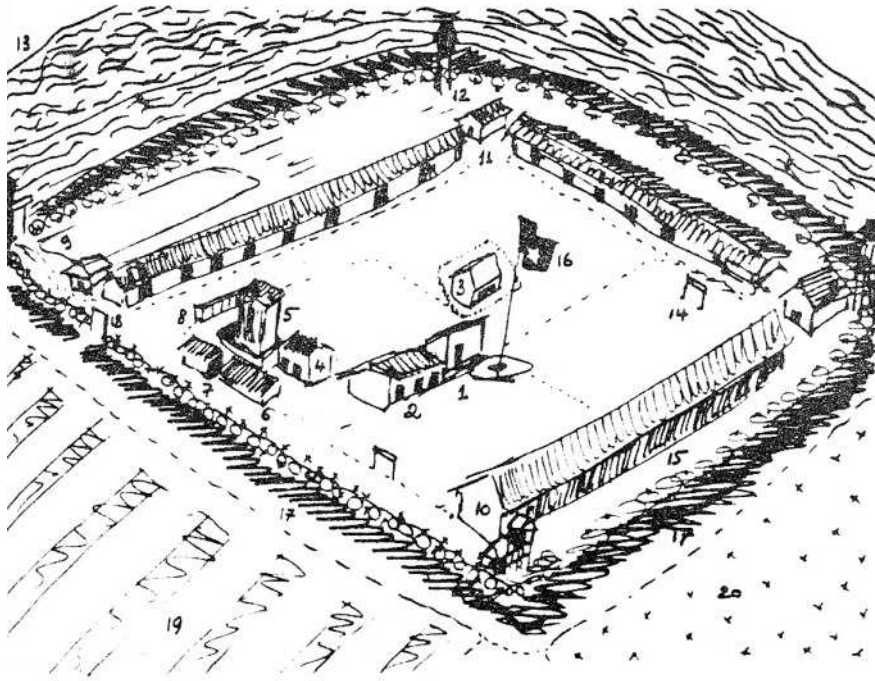
**Lucien
Trọng**



HỎA NGỤC ĐỎ
mỗi tình tôi

HỒI KÝ TRẠI CẢI TẠO

INSTITUT DE L'ASIE DU SUD-EST



1. Biều đồ trại học tập cải tạo Mỹ Phước Tây

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1. Văn phòng giám đốc trại | 11. Nhà lính gác |
| 2. Khu nhà ở của Cán bộ | 12. Chòi canh |
| 3. Trại giam phụ nữ | 13. Dòng sông ngoài trại |
| 4. Nhà bếp chính | 14. Sân banh |
| 5. Sân khấu diển kịch | 15. Hàng rào kẽm gai |
| 6. Bệnh xá | 16. Cờ Cộng sản Bắc Việt |
| 7. Chuồng heo | 17. Bãi mìn quanh trại |
| 8. Chuồng cạp Conex | 18. Cửa vào trại |
| 9. Ao cá Vố kiêm câu tiêu | 19. Vườn rau |
| 10. Khu xà lim | 20. Ruộng lúa |

II. 36 điều cấm lệnh của trại cải tạo Mỹ Phước Tây

Tuyệt đối cấm :

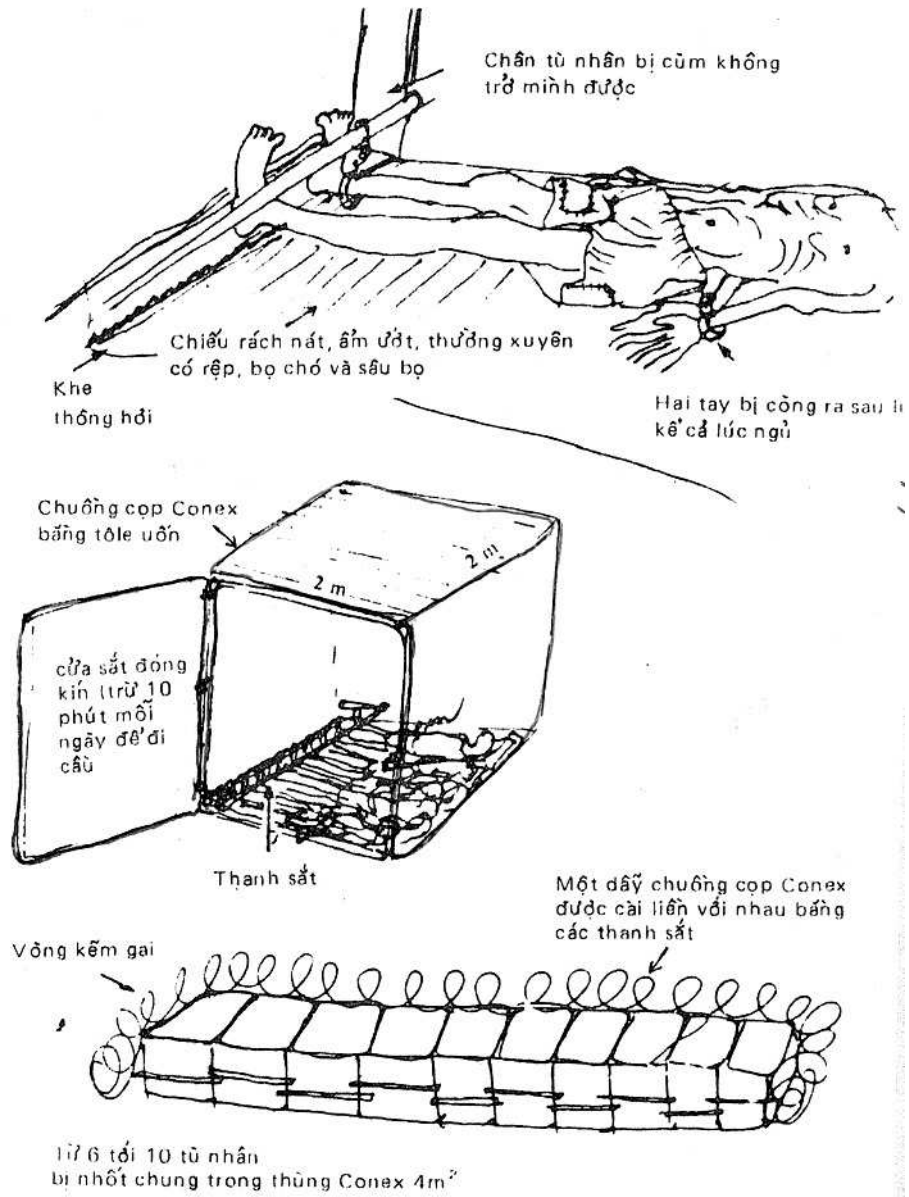
1. Vượt khỏi vòng rào kẽm gai
2. Rời khỏi xã lim nếu không có phép
3. Thay đổi chỗ nằm
4. Di chuyển từ xã lim này qua xã lim khác
5. Liên lạc, thông tin từ xã lim này qua xã lim khác
6. Lảng vảng gần chuồng cạp Conex
7. Vào nhà bếp chính (để phòng án vụ)
8. Lảng vảng gần khu nhà Cán bộ
9. Lảng vảng gần văn phòng trại
10. Tiến lại gần vòng rào kẽm gai
11. Đại, tiểu tiện ngoài giờ quy định
12. Giu trong mình quá 5 đồng
13. Lưu giữ dụng cụ nông trường hoặc các vật bén, nhọn
14. Tìm kiếm hoặc uống rượu
15. Chơi bài bạc
16. Nấu nướng ngoài giờ được quy định
17. Tiếp xúc với các nữ tù nhân
18. Tiếp xúc với dân chúng
19. Tiếp xúc với lính gác
20. Tiếp xúc với thân nhân ngoài các kỹ thăm nuôi
21. Trái lệnh các Cán bộ, Trưởng Phòng và những người có trách nhiệm.

22. Từ chối mọi việc lao động, vinh quang của nhân dân
23. Có tư tưởng hoặc hành động dâm dật xa đọa
24. Tâng trử và đọc sách, báo của chế độ cũ
25. Gọi lại truyện nói về Đế quốc và Nguy quyền
26. Ca hát những bài hát trữ tình của chế độ cũ
27. Bản luận về chính trị
28. Ăn nói thô lỗ trái với tinh thần cách mạng
29. Hủy hoại những dụng cụ của nhà nước (quốc, xẻng ...)
30. Gây hư hại doanh trại (đốt lửa gây hỏa hoạn ...)
31. Tư tưởng phản động (ý nghĩ sẽ đưa tới hành động)
32. Tin tưởng nhầm nhí (theo một tôn giáo nào đó)
33. Tuyên truyền phản động
34. Vô lễ với các Cán bộ chỉ huy trại
35. Mua, bán, đổi chác quần áo, vật thực v.v....
36. Cải vã, đánh lộn.

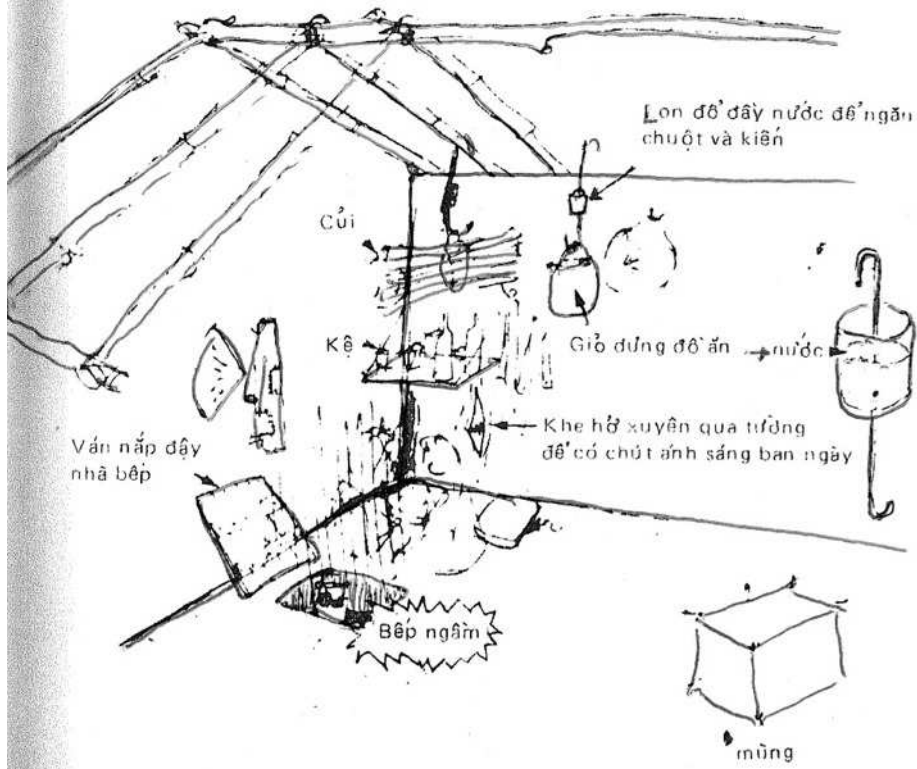
Tất cả mọi vi phạm đều bị đem xét xử và trừng phạt tử hình phạt tù hình phạt nhốt trong thùng Conex kèm theo cấm thăm nuôi và nhận quà gói.

Giám Đốc trại

III. Sơ đồ chuồng cọp Conex



IV. Sơ đồ xà lim số 9



Riêng tặng Lý, bạn tôi

LỜI NÓI ĐẦU

Buồn nào hơn khi mất đi một người bạn, không phải ai cũng có được một người bạn. Và càng buồn hơn nữa khi phải mất cả đất nước quê hương, vì chúng ta bây giờ chỉ còn là những kẻ tha hương, những người không tổ quốc.

Quyển sách này không phải là một chuyên tiểu thuyết, mà đây là sự thật, và nếu như có đôi khi diễn biến không được thú vị lắm, đó cũng là vì tôi sợ quên đi. Tôi phải làm nhân chứng, mặc dầu có thể không đạt được kết quả mong muốn. Tôi không ghi lại hồi ký này để thỏa mãn sự cảm hứng, vì sau bao nhiêu thử thách, bây giờ chỉ còn lại nỗi tiếc mà thôi.

Câu xin những người chết, xin những người còn sống thoi thóp trong hoả ngục đó, mối tình của tôi, hãy giúp tôi hoàn thành quyển sách này.

Lucien TRỌNG

CHƯƠNG MỘT

Cũng như biết bao thanh niên cùng lứa tuổi, tôi sinh ra trong cảnh đồ nát điều tàn của quê hương. Trận chiến Đông Dượng lần thứ nhất đã nổ ra vài tháng trước, sau trận oanh tạc Hải Phòng và sau cuộc nổi dậy ở Hà Nội của Hồ Chí Minh.

Cha tôi vào lúc đó đang làm việc tại một hãng xe hơi của người Pháp ở Sài Gòn. Mặc dầu chỉ là thường dân, nhưng vì có dính líu với người Pháp nên chúng tôi sợ bị Việt Minh trả thù. Mẹ tôi bèn thu xếp về Bến Tre, nơi quê ngoại tôi cùng với chị và anh tôi, lúc ấy mới lên năm và ba tuổi. Mẹ tôi đang mang thai tôi gần ngày sanh. Mang chúc Huyền, ông ngoại tôi là một đại điền chủ, giàu có nhưng rất quảng đại và rất được tá điền thương mến. Ông có nhiều vợ, và gia quyến rất đông đảo đó sống an nhàn trong một căn nhà rộng rãi và âm u với những cột to chạm trổ tinh vi.

Thế những giặc giã cũng lan tràn lên tới Bến Tre và

ngày mà nhà ông ngoại tôi bị đốt cháy, trên đường chạy loạn, mẹ tôi sanh tôi ra trong hầm trú ẩn, một cái hố bên đường giữa tiếng đạn bom và khói lửa ngập trời. Mẹ tôi định tìm cách về Sài Gòn, nhưng lúc đó đường sá bị phá hoại rất nhiều, cầu cống sập đổ, lưu thông bị tắc nghẽn, nên chúng tôi bị kẹt tại Mỹ Tho, với hai bàn tay trắng và mấy bao bột tôi để đắp cho đỡ lạnh. Rất may lúc ấy có hai người con gái của tá điền, chị Đồng và chị Cúc, theo má tôi vì hai chị rất thương mến má tôi đã giúp đỡ nhiều cho gia đình hai chị. Vì sanh non ngày, nên tôi là một đứa bé ốm yếu, nhả nhum và bệnh hoạn. Hai chị phải đi gánh nước múc và bán dưa để nuôi chúng tôi, vì mẹ tôi cứ ốm đau sau khi sanh ra tôi.

Một tối nọ, tôi lấm kính và nóng sốt liên miên, mẹ tôi lo sợ bèn ẵm tôi đi thầy thuốc cùng với chị Đồng, mặc dầu đã giới nghiêm. Khi tới trạm kiểm soát của lính Lê Dương, chúng tôi bị chặn lại. Mặc dầu mẹ tôi và chị Đồng đã giả trang cho xấu xí, quần áo xộc xệch và mặt mũi lem luốc bần sinh, bọn lính vẫn đoán thấy vẻ đẹp mặn mà của chị Đồng nên chặn giữ chị lại. Mẹ tôi nhớ nét xanh xao và đứa con nhỏ trên tay nên được cho đi thông thả. Tình trạng của tôi rất nguy ngập, nên chị Đồng vẫn bình tĩnh khuyên mẹ tôi hãy tiếp tục đi, chị sẽ tùy cơ ứng biến. Mẹ tôi đành để chị lại với bọn lính Lê Dương. Sáng hôm sau chị trở về nhà và liệt giường liệt chiếu, mẹ tôi phải bán đi chiếc áo dài lụa đen cuối cùng để thuốc thang cho chị.

Sau đó chị sanh ra một đứa con lai. Khi gởi con cho

má chị nuôi dưỡng, chị ở lại săn sóc tôi, cho đến ngày
thời cuộc đưa đây, chị lập gia đình nhưng sau khi gây đó,
chị đi bán bả và sau đó theo chồng về Mỹ.

Lúc bấy giờ ai cũng tưởng tôi sẽ đi đổi nhà ma,
nhưng ngược lại, tôi vẫn sống và chính anh tôi, lúc bấy giờ
lên ba tuổi, lại mất đi sau một cơn bệnh chỉ vài ngày. Lúc
ấy làng xã bị thiếu rui, ai còn lo tới chuyện làm giấy tờ,
nên từ đó tôi mang khai sanh của anh tôi, và tôi được
hưởng luôn cái tên ba má đã đặt cho anh là Trọng, có vẻ
như quan trọng và quá nghiêm trang, không hợp tí nào với
bản tánh của tôi. Vì tôi cứ đau bệnh luôn, mẹ tôi đặt cho
một cái tên xấu xí để cho dễ nuôi : «Nhuồng» hay là
nhường nhịn, khiêm nhường. Tôi thấy cái tên sau này hợp
với tôi hơn. La thay sau đó tôi hết bệnh hoạn và lại mập
mạp, số sửa ra.

Một năm sau đó, tình hình lắng dịu và chúng tôi trở
về cuộc sống tương đối nhàn nhả tại Sài Gòn.

Sau trận chiến Điện Biên Phủ vào năm 1954, nước
Pháp thua trận nhường chỗ cho người Mỹ và giấc già vẫn
tiếp diễn, và còn ác liệt hơn. Lúc đó tôi được 7 tuổi, và
giữa cảnh điêu tàn của quê hương, tôi còn cô đơn hơn nữa.
Mặc dầu gia đình tôi theo đạo Phật, nhưng tôi được theo
học trường Đông và từ đó tôi lại mang thêm tên thánh
Lucien, biểu tượng của «ánh sáng» : tôi lại chui rút thêm
vào trong bóng tối của cái vỏ ốc mà tôi đã tự tạo ra.

Sau khi thi xong bằng Tú Tài, tôi được sang Pháp

tiếp tục học về Thủy Lâm, và sau một thời gian tu nghiệp ở Hoa Kỳ, tôi trở về quê hương để phục vụ; trái với một số bạn bè vẫn muốn ở lại xứ người để lập nghiệp, vì tôi biết rằng không nơi nào đẹp bằng quê hương tôi.

Tôi được tuyển làm giảng viên ở trường Đại học Nông Lâm Sóc ở Sài Gòn. Song song với chức vụ Quản thủ thư viện, tôi giữ luôn phần Trưởng phòng Sinh Viên Vụ trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng ở Sài Gòn vào năm 1973-1975.

Tôi thấy cần phải nói đôi câu về tư thế chánh trị của tôi, không phải để biện minh điều gì mà chỉ tỏ rằng tôi là một nhân chứng tâm thường như bao nhiêu người Việt Nam khác, sanh ra trong thời loạn, không biết phải theo bên nào, vì bên nào cũng có những cái hay, nhưng cũng có những cái dở. Tôi không phải một nhà văn, nên lời tôi nói rất giản dị, rất chân thành, tôi chỉ muốn bày tỏ nỗi uất nghẹn của một người dân mất nước.

Tôi không phải là một chánh trị gia, nên nhận xét về phương diện này của tôi kém phần sâu sắc, và lại bản tánh nghệ sĩ của tôi khiến tôi ghét những gì thuộc về chánh trị. Tôi ưa âm nhạc, hội họa và điện ảnh hơn.

Sau một thời gian nhập ngũ, tôi được biệt phái trở về dạy học. Tôi không thích chế độ của Nguyễn Văn Thiệu, vì sự tham nhũng đầy dẫy và vì có quá nhiều bất công trong xã hội. Với sự hiện diện của lính Mỹ, dĩ nhiên cảnh đi điếm lan tràn và các tệ đoan xã hội khác phải hiện lên. Nhưng đầu sao đó cũng là một chế độ tự do, người dân được tự do tư tưởng, tín ngưỡng, đi lại, được tự do buôn

bán, tự do sống theo ý mình.

Mặc dầu có những hạn chế do tình trạng chiến tranh, mặc dầu có những phân tử tham nhũng trong thành phần chánh phủ, nhưng người dân vẫn sống tự do, và vì vậy nên người dân Miền Nam không bao giờ chấp nhận chế độ Cộng sản, dầu phải đánh đổi sinh mạng mình để vượt biên đi tìm tự do.

Khi tôi du học trở về Việt Nam, năm đó tôi vừa 24 tuổi. Tôi rất thích hội họa, tôi vẽ rất nhiều tranh sơn dầu và tổ chức nhiều cuộc triển lãm, phần đông để giúp đồng bào chiến nạn. Đó cũng là một cách cho tôi giải tỏa những ước mơ thầm kín và cố quên đi «nỗi cô độc của con tim và sự vô nghĩa của cuộc sống».

Khi tôi hồi hương, phản ứng đầu tiên của tôi khi thấy Sài Gòn đầy linh Mỹ và bar, ô điếm trà hình, cùng nhà tắm hơi, dancing, là sự khó chịu và uất ức. Thế nhưng sau khi biết được sự bành trướng mau lẹ của Việt Cộng và những thủ đoạn của chúng thì tôi đành chấp nhận thế chẳng đặng đừng. Tuy nhiên cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đối với tôi, tôi vẫn cho là một sự mất mát lớn, mặc dầu chính gia đình ông ta đã đưa đến thảm họa cho ông.

Sài Gòn đầy dây ngựa xe, lụa là, máy móc, tủ lạnh, ti vi. Sài Gòn nhộn nhịp xa hoa, Sài Gòn muôn màu muôn mặt. Đằng sau những khu nhà nhiều tầng là những khu bần cố, những khu ổ chuột với những căn nhà ọp ẹp bằng lá, bằng tôle, bằng cây, bằng giấy cứng, bằng giẻ rách.

Có ai đã ví Sài Gòn như một cô gái đẹp diêm dúa,

sống hưởng thụ vội vàng và không nghĩ đến ngày mai. Tham những lan trân, vì đó là một tề trạng luôn luôn di dôi với một chế độ độc tài. Thế những người dân vẫn vui sống, dầu cuộc sống có chật vật, dầu ngày mai có bấp bênh dầu cuộc chiến vẫn tiếp diễn ác liệt sau khi người Mỹ ra đi.

Ngày ở trường Đại Học Nông Nghiệp, lúc bấy giờ được gọi là Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp, những cuộc biểu tình của sinh viên tổ chức vẫn thường được diễn ra. Nhờ địa điểm khá thuận tiện, nằm trên đường Cựống Đê, giữa Đại học Văn Khoa và Dược Khoa, không xa mấy Trường Luật, nên trong nhiều cuộc biểu tình, tôi đều có mặt, dầu vì lý do gì, tôi vẫn đứng theo hàng ngũ của sinh viên, có lẽ vì tuổi trẻ, có lẽ vì tôi luôn luôn chống lại những gì hiện hữu. Ông Khoa Trưởng bấy giờ rất trẻ và là bạn của tôi, thường rầy rã :

– Trời ơi, anh làm Trưởng ban sinh viên vụ, lẽ ra anh phải trông chừng cho sinh viên đừng lộn xộn, anh lại theo tụi nó biểu tình thì chết rồi. Anh coi chừng, trong đám sinh viên có tụi Việt cộng trá hình trà trộn để gây rối loạn đó.

Và ông rất có lý. Trong các phiên họp Hội đồng Giáo sư tôi vẫn tìm mọi cách để xin can thiệp cho các sinh viên bị bắt trong những cuộc biểu tình. Hình như Công an có theo dõi tôi, và đã có lần gọi tôi đến để dẫn dắt một cách vu vớ, nhưng lúc bấy giờ anh rầy tôi có chức vụ quan trọng trong quân đội, có thể là một bảo đảm cho hành vi chánh trị của tôi, nên tôi chưa hề bị bắt.

Ngày 30-4-1975 Miền Nam yêu thương, Miền Nam diu hiền nào ngờ lại phải rơi vào tay Cộng Sản quá hấp tấp quá vội vàng, sau cuộc «Tông nổi dậy» hụt của năm 1968. Trong khi Cộng Sản lần chiếm miền Trung và các thành phố lần lượt rơi vào tay chúng, thì tôi đang dự một cuộc hội thảo về Nông Nghiệp tại Manille với các nước của A.S.E.A.N.

Các đồng nghiệp Phi Luật Tân của tôi đều khuyên tôi nên nán lại chờ đợi thời cuộc và nếu cần thì xin tỵ nạn chánh trị, nhưng tôi một phần vì nóng ruột muốn có mặt bên gia đình khi hữu sự, một mặt nữa tôi lại nghi mắc đầu Miền Nam có thể rơi vào tay Cộng Sản, nhưng nếu chịu khó hòa mình, thì cũng có thể sống tại quê hương yêu dấu. Nghi vậy, nên tôi quyết định về Sài Gòn sau khi cuộc hội thảo chấm dứt.

Ngày 5-4-1975, tôi trở về Sài Gòn trong một bầu không khí ngột ngạt và kinh hoàng. Đông bão đổ xô tàn cư từ Miền Trung vào Sài Gòn có lẽ vì «quá thương» Bác và Đảng nên phải chạy bán sông bán chết để tránh xa. Các tỉnh lần lượt rơi như sung chín và rốt cuộc Sài Gòn bị bao vây tứ phía.

Những ngày cuối cùng của tháng 4, những quang cảnh hỗn độn khiếp đảm diễn ra tại Sài Gòn với sự hấp tấp ra đi của những người Mỹ còn sót lại, những cảnh hôi của chung quanh các cứ xá Mỹ, những cảnh chen lấn tại Tân Sơn Nhất và khu bến tàu. Tiếng súng không ngừng nổ và những đêm sau cũng, Sài Gòn hấp hối trong sự kinh hoàng. Có lẽ

nếu tướng Dương Văn Minh không đầu hàng thì Sài Gòn sẽ chỉ còn là đồng gạch vụn vì bị pháo kích liên miên.

Sau khi lệnh ngừng bắn được tung ra thì một quang cảnh lạ lùng được tiếp nối : Tiếng súng nổ dồn tan để chào mừng sự chấm dứt của một cuộc chiến tương tàn. Người dân Miền Nam thanh thật hân hoan đón mừng tin ngừng bắn, nhưng chánh quyền Hà Nội lại tưởng lầm rằng sự vui mừng đó dành riêng cho họ.

Binh sĩ liệng bỏ vũ khí, quân phục. Người dân sống trong sự hồi hộp để đón chờ sự chuyển tiếp với sự dễ dặt và lo sợ, vì gia đình nào cũng có chồng con đi lính cho chính quyền cũ.

Để mong mới chánh quyền mới khởi «đề y» đến gia đình mình, mọi người đua nhau đi mua cổ đồ sao vàng về treo và xóa bỏ hấp tấp các cổ vàng ba sọc đỏ sơn trước nhà. Có sông trong quang cảnh khó tả của Sài Gòn trong những ngày đó mới thấy được rằng : mặc dầu chánh quyền cũ có tham nhũng, có khát khe đến thế nào cũng không bằng sự khó thở, ngột ngạt của chánh quyền Hà Nội chỉ được đứng vững nhờ sự man trá và khủng bố.

Trong những cuộc biểu tình không lồ, chỉ có một thiểu số dân thật tình tham dự một cách tích cực, còn lại một số lớn bị ép buộc có mặt với lòng lo âu và cay đắng. Ta không thể nào trách được một số người Miền Nam vì sự sinh tồn phải tham gia vào chế độ mới, vì sự sống của gia đình và của chính họ. Lính «bộ đội» lan tràn vào Sài Gòn và các tỉnh Miền Nam. Cũng có những cảnh thân mật

và cảm động diễn ra vì «ba mươi năm mới có ngày này», có những cảnh sum họp đầy nước mắt, nhưng ai có ngờ đâu nước mắt sẽ không ngừng chảy sau ngày hội ngộ.

Sài Gòn không có cảnh máu chảy quá lộ liễu như ở Nam Vang, và vì dân chúng biểu lộ sự vui mừng bởi «hòa bình» đã được vãn hồi, nên quốc tế xem đó là biểu tượng của một sự «nổi dậy» đòi tự do. Những ai còn ảo tưởng sẽ mau lẹ nhận thấy rằng chế độ Cộng Sản đã hoàn toàn làm chủ Miền Nam, và những danh từ «lấy tình thương xóa bỏ hận thù» đều là một sự bịp bợm dối trá. Các cửa tiệm hàng loạt bị đóng cửa, bảng hiệu hạ xuống để chỗ trống rỗng, chơi vơi. Thay vào đó là những biểu ngữ đòi những chân dung cụ Hồ to, cụ Hồ nhỏ, cụ đang đưa tay chào, cụ đang mỉm cười, cụ có mặt khắp mọi nhà, leo lên cả trên bàn thờ tổ tiên. Biểu ngữ thường là chỉ có mấy câu lập đi lập lại «không có gì quý hơn Độc lập Tự do», màu đỏ ở khắp mọi nơi, màu đỏ khiêu chiến, màu đỏ của máu tươi.

Hàng loạt người bị bắt âm thầm trong đêm tối, hàng loạt sĩ quan và công chức bị gọi đi học tập «trong một tháng». Loa phóng thanh chất chứa giọng danh đá của mấy xưởng ngôn viên bẻ miệng bẻ mồm chửi rủa Mỹ Ngụy.

Sài Gòn ngập thơ, Sài Gòn bị kèm kẹp lân hồi trong hai gọng sắt.

Tất cả các tờ báo đều đóng cửa, chỉ còn lại tờ «Sài Gòn giải phóng» và tờ «Nhân dân» từ Bắc mang vào.

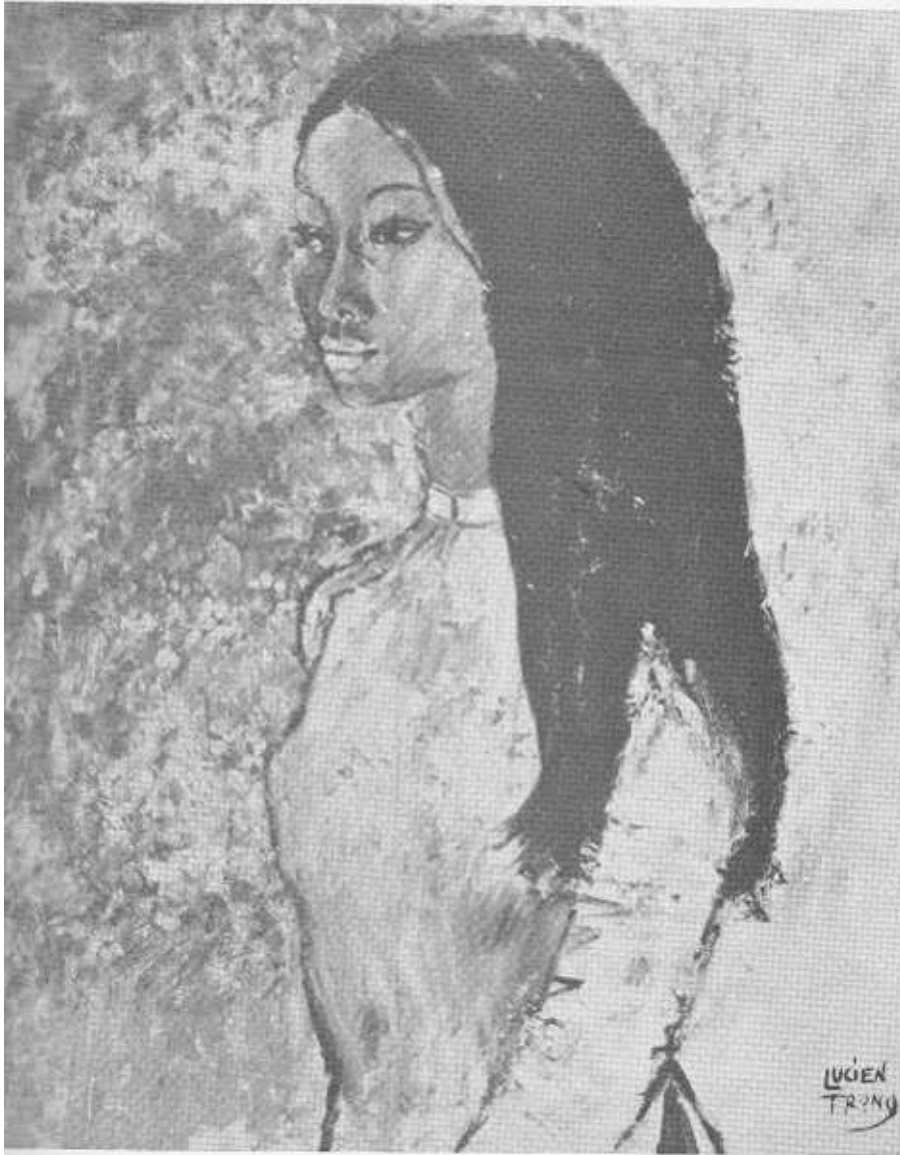
Đường xe lửa xuyên Việt được vội vàng tái lập để đưa cán bộ từ Bắc vào Nam, và vớ vét của cái Miền Nam chỗ ngược ra Bắc.. Nếu không có lý do, hoặc không thuộc «gia đình cách mạng» thì đừng hòng gì leo lên được «đường tàu thống nhất» này. Các trò chơi xưa, các thú tiêu khiển cũ đều bị cấm đoán, thay vào đó là họp hành để tổ cáo lẫn nhau, hoặc những trò tưng mùn như «thiếu nhi đi lượm rác» hoặc là «đi vét ruộng xã hội chủ nghĩa».

Người dân phải làm mọi thứ đó với sự căm nín. Một cử chỉ phản đối sẽ bị cho là phản động và đưa thẳng vào nhà giam. Tôi đã quyết định ra đi. Không dám cho gia đình hay vì sợ bị cản trở, tôi âm thầm tìm đường vượt biển. Lúc đó đang có chiến dịch đốt sách báo «nhảm nhí» và nhạc «ru ngủ», và một cuộc đối tiền đang rục rịch tiến hành.

Tôi bán chiếc xe Daihatsu nhỏ với giá 3 triệu đồng thời bấy giờ, và với số tiền đó, ngày 10-6-1975, một tháng sau khi Cộng Sản đặt nền móng cai trị tại Miền Nam, tôi ra đi với một bộ đồ cũ, bằng tâm sự âu lo và rã rời.

Chiếc tàu đánh cá nhỏ chưa kịp rời Vàm Láng thì tên tài công đã mật báo với công an. Trong khi chờ đợi các hành khách khác lần lượt xuống tàu thì công an đã bao vây bằng nhiều chiếc tàu tuần cảnh của Hải quân cũ. Lúc đó tôi đang ở trong khoang tàu. Tôi nhất quyết không thể sống chung với Cộng Sản, nên đã mang theo bột thạch tín, hòa với ít nước trong một chai thuốc nhỏ mắt, và hai ống thuốc ngủ. Trời ơi, trong khi di chuyển chai thuốc đã bể. Không còn suy nghĩ nữa, tôi nuốt trọn hai ống thuốc ngủ

valium. Ngoài kia mặt trời lên cao, những hàng dừa rũ ngon trên mặt nước lấp lánh bạc. Đất nước thân yêu thôi xin vĩnh biệt. Trong thoáng chốc mở hồ, tôi như rơi vào khoảng không mù mịt. Ba má ơi, con đi đây.



Phụ bản 1 : NHỚ TÃ ÁO TRẮNG

CHƯƠNG HAI

Hai ống thuốc ngủ, đầu lã của Mỹ, chắc cũng không đủ để đưa một gã thanh niên 28 tuổi đi đời nhà ma. Tôi tỉnh dậy với một cơn nhức đầu kinh khủng, trí nhớ như bị tê liệt, không thể nào biết được tôi đang ở đâu, và tại sao. Sau một phút định thần tôi cố chống tay để ngồi dậy. Tôi nhận ra rằng tôi đang nằm trong một căn nhà rộng lớn tối tăm và hôi hám. Một bóng đèn nhỏ vàng vọt treo trên trần nhà dây kẽm gai không đủ sức soi sáng một đám người lơ lơ, ngồi la liệt trên nền xi măng ẩm ướt. Ở phía trái tôi nhận thấy một cánh cửa sắt và một ô vuông nhỏ có chấn song, phía phải là một bức tường dờ dáy. Ánh sáng được lọt vào từ bức tường này bằng những ô vuông nhỏ cao quá đầu người. Hình như bên ngoài đang mưa vì tôi nghe tiếng hạt mưa rơi nặng trên mái ngói. Căn phòng bay mùi nước tiểu và rác rến. Những con gián và những con chuột cống còm cõi ghê lở đang sục sạo trong đống rác và chạy trên thân thể của các người đang nằm. Tôi lồm giọng khi chợt nhận ra rằng mình đang nằm tựa vào một bức tường nhỏ ngăn cách với hồ vệ sinh. Một tiếng động ở bên trái làm tôi kinh hoàng nhóm dậy mặc đầu đầu óc còn nặng như chì. Một ông già bé nhỏ đầu bạc phớt, móm mém nói rằng :

— A, tỉnh rồi ha? Tao tưởng mày chết rồi chớ. Tối hôm qua mày lạnh ngắt, tụi nó tưởng mày đi rồi, nên quăng mày ở đây. Tao không ưa nằm cạnh một thầy ma

đâu.»

Đưa tay sờ trán tôi ông ta gật gù :

– Năm nghĩ đi, mày còn đang sốt nắng đó.

Tôi há hốc mồm nhìn ông lão, không tưởng tượng ra được chuyện gì đã xảy đến cho mình. Nhìn nét mặt ngu ngơ của tôi, ông ta nhếch môi cười vói ve châm biếm và thoải thích.

– Ông giáo sư của tôi ời, ông đang ở trong tù, ông nghe chưa ? đây là nhà giam của tỉnh Gò Công.

Tôi còn nhớ ông ta đã dùng chữ «PRISON» bằng tiếng Pháp, như đề nhãn mạnh đến thực thể quanh tôi. Trời ời ! Chuyện mà tôi lo sợ nhất đã đến rồi ! Đầu óc tôi chột như rơi vào khoảng không.

Vài giờ sau, khi tôi tỉnh lại, ông Sáu, tên của ông già, kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra. Một đám bộ đội đã liệng tôi vào trong phòng giam hai ngày trước đây, hai tay trói sau lưng, mắt sưng bầm tím. Người ta bỏ tôi vào một xó, nơi gần cầu tiêu và đồng rác. Cũng may, ông Sáu, một người có chút chức phận trong làng đã bị bắt nhốt tử đầu, cũng biết lai rai chút đông y, đã tìm cách rửa ruột cho tôi với những phương tiện eo hẹp trong phòng giam. Ông nói với tôi rằng, mặc dầu với bộ quần áo rách rưới và gương mặt đăm mau, ông cũng đoán được tôi là một người trí thức và tôi gợi nhớ đến hình ảnh con ông đã bỏ mình khi đi lính Cộng Hòa.

Sáng hôm sau khi điểm danh, cán bộ chột nhận thấy tôi còn sống nên cho đưa tôi lên bệnh xá. Sau khi rửa

ruột, vô nước biển, họ lại đưa tôi trở về phòng giam như cũ.

Trong một tuần lễ liên tiếp, tôi như nửa mở nửa tỉnh, nếu không nhờ ông Sáu ép tôi uống nước, và ráng nước chút cơm nguội chan nước mắm thì có lẽ tôi cũng đã đi theo ông bà mất rồi.

Ông Sáu tìm cho tôi được một chiếc chiếu rách bươm để cho tôi đỡ lạnh. Tôi ở trong một tình trạng nửa mở nửa tỉnh, chiếc áo mưa trùm kín mắt và hai tay để tránh dân muỗi quái ác. Mỗi lần có người đi tiểu tiện cách tôi một bước tưởng nhỏ, tôi cảm thấy nhân phẩm mình bị chà đạp thêm xuống vũng bùn.

Vấn phòng cán bộ trưởng trại có cho gọi tôi lên để lấy lý lịch, nhưng tôi cũng không nhớ mình đã nói những gì.

Mười lăm ngày sau khi tôi tới trại giam, người ta tuyên chọn khoảng vài trăm tù nhân để chuyên đi nông trường. Tôi có tên trên danh sách đó. Trong khi chờ đợi đi chuyên, tôi viết vội vài hàng cho ba mẹ tôi và nhờ ông Sáu, bố bịch với tên gác cửa, tìm cách chuyên về cho gia đình tôi.

Một buổi sáng, mặt trời chưa lộ dạng, chúng tôi bị đưa lên những chuyên xe đò cửa neo đóng kín. Chúng tôi bị cột vào thành ghế băng giấy điện, cứ sáu người một hàng. Tụi cán bộ hình như thoả thích khi siết vông dây vào cổ tay chúng tôi. Chắc họ đang thâm nghĩ : «Cho đàng đời tụi Ngụy».

Sau những giờ dài vô tận chúng tôi không biết họ đưa mình đến đâu, với lòng lo âu và tâm trạng rối rắm, công thêm vòng giây điện ngày càng xiết chặt làm tê cả hai cánh tay, chúng tôi rốt cuộc cũng đến nơi quy định.

Trại Mỹ Phước Tây nằm trong một diện tích khoảng hai mẫu ruộng, giữa một hàng rào dây kẽm gai chằng chịt, những bãi mìn dây cỏ hoang, và dưới sự kiểm soát chặt chẽ của 4 chòi canh cao nghệu. Xung quanh trại là ruộng lúa, một bên là vườn rau, và một con sông nước chảy đục lổ, nhưng đó cũng là nước uống, tắm giặt và nấu nướng. Điểm đáng lưu ý nhất là bãi mìn dây cỏ hoang rậm rạp và hai hàng kẽm gai bao quanh trại, làm chán nản những ai có ý định muốn vượt trại tìm tự do.

Giữa trại, một cột gỗ cao có treo cờ đỏ sao vàng, luôn nhắc nhở cho tù nhân số phận không may của mình. Ba giây nhà lá thấp lè tè và mục nát làm thành hình móng ngựa bao quanh một sân vuông, đó là hai mươi phòng giam tội nhân. Giữa sân là một văn phòng xây cất bằng gạch lợp tôle, một dãy nhà cho cán bộ ở và hơi xa xa, phía chuồng heo và một dãy thùng «conex» là một căn nhà lá khá rộng dùng để giam giữ nữ tội nhân.

Mỗi phòng giam được rào kín lại bằng kẽm gai, và cái sân nhỏ xíu phía trước cửa là một ứu đất đặc biệt cho bọn tù nhân. Phía sau trại là một vườn rau lớn, một cái ao nuôi cá Vô, và cũng để làm cầu tiêu. Cồn chung quanh là mênh mông ruộng lúa, xa xa thấp thoáng vài cái nhà tranh, và bắc ngang con sông là một chiếc cầu sắt cũ kỹ gập ghềnh

Tụi chúng tôi khoảng một ngàn người, được phân phối ra từng nhóm 50 người, dưới sự kiểm soát trực tiếp của một trưởng phòng, thường là dân «chiêu hồi» hoặc cán bộ bị lỗi lầm, cùng vài «antennes» để theo dõi chúng tôi. Trưởng phòng và «antennes» tranh nhau lập công bằng cách tố cáo bọn tù để mong được «khoan hồng». Cán bộ trưởng trại lúc bấy giờ là một con người khác khổ luôn mang kiếng đen, hiện thân một hung thần của trại. Qua các trưởng phòng và các tên điếm chí, họ không cần vào các phòng mà vẫn biết chuyện gì đang xảy ra.

Mỗi tụi chúng tôi phải «học tập» ba mươi sáu điều cấm lệnh và tự kiểm điểm các lầm lỗi để xin được cứu xét. Tội lớn nhất là toan vượt trại, và có ý định phản động. Không làm sao thoát được số phận lưu đày, chỉ còn lối cuối cùng để tránh cảnh cầm giam là ngã bệnh nặng để được đưa ra vườn mì nằm dưới ba tác đất và cuộn lại bằng manh chiếu rách hoặc hai thước ny lông.

Thật ra, trại cũng có một phòng y tế, và chị Tư y tá cũng có vẻ tử tế và hết lòng với bệnh nhân, nhưng khổ nỗi là thuốc men rất ít, vì hoàn cảnh ở thành phố cũng vậy thôi, nên nếu ai ngã bệnh thì đó là một sự may mắn để mong được giải thoát khỏi địa ngục trần gian này. Chúng tôi phải đi làm ruộng, đào mương nhưng dụng cụ thì không có, nên phải cưa các ống đạn và mài lại để làm xẻng, cuốc, lưới liềm.

Giữa khu đất bùn sinh và tụi tằm, giữa sự đói khát, nỗi dằn vặt tinh thần và sự ngược đãi của cán bộ, tôi sẽ cố

sống lây lắt trong suốt ba năm rưỡi trời dài đằng đặc.

Các bạn tù của tôi thuộc mọi thành phần và thuộc nhiều loại tội khác nhau : Các tư chức nhỏ, sĩ quan, công chức, các viên chức xã ấp, thường dân bị bắt khi di chuyển hay bị tố cáo vu vơ về các tội lặt vặt như ăn cắp gà, uống rượu, đánh bài, nói xấu chế độ và cả những người không có tội gì cả mà vẫn phòng trại cũng không biết phải ghép họ vào tội gì, ngoài cách dán cho họ nhãn hiệu CIA của Mỹ. Tôi có dịp được gặp những vị cố đạo, những nhà sư, các vị tông thư ký của giáo hội Cao Đài, Hòa Hảo, luôn cả những trưởng dân dốt nát, luôn cả những phần tử chống đối, đặt bom, rải truyền đơn chống chính quyền Hà Nội. Tất cả chúng tôi đều sẽ bị giam giữ trong một thời gian không nhất định, móc meo và chết lần mòn trong khuôn viên nhỏ bé này. Gia đình chúng tôi có thảo bao nhiêu tờ đơn khiếu nại cũng bị quẳng vào sọt rác hoặc dùng làm giấy cuộn thuốc lá cho bọn cán bộ. Một cách duy nhất để được thả ra là nhờ sự can thiệp của một cán bộ cao cấp, hoặc của mấy lượng vàng. Trong khi chờ đợi ngày được tự do quá xa vời, chúng tôi đành phải chấp nhận số phận hẩm hiu. Thật ra so với trại giam ở Gò Công thì trại cải tạo Mỹ Phước Tây cũng tương đối để thở hơn, có lẽ nhờ sự hiện diện của cái sân nhỏ, mặc dầu bị rào kín, nhưng cũng cho chúng tôi một chút không khí trời để thở.

Vừa tới trại thì chúng tôi phải xếp hàng và chờ đợi cán bộ xét từng người. Giữa sân trại, dưới ánh mặt trời

nóng bỏng, bọn tù cỡi quần áo bầy các món đồ linh kinh dưới đất giống như chợ trời. Cán bộ bắt đầu tịch thu tiền bạc và những gì có thể là vũ khí, luôn cả hình ảnh giấy viết. Từ đây chúng tôi chỉ còn là những con số. Tôi được chỉ định vào phòng số 9 và tôi được biết mặt trưởng phòng là tên Năm Sơn, là một cán bộ chiêu hồi với nét mặt đần độn ty tiện và dễ gây ác cảm.. Hắn chỉ định cho tôi chỗ nằm, trong một góc phòng. Tôi trải chiếc chiếu rách nát của ông Sáu cho, sau khi san bằng những chỗ lồi lõm bằng một cục đá. Tôi đặt gói quần áo xếp trong chiếc áo mưa bằng ny lông, ở đầu chiếu để thay gối, sắp xếp mấy lon sữa Guigoz không ở đâu nằm và vạch một lỗ nhỏ trong tấm phen bằng lá cho một tia nắng lọt vào chỗ nằm. Mặc dù mệt mỏi và đói khát, tôi cũng cảm thấy vui vui vì được may mắn có chỗ nằm trong góc, có thể cho tôi thu hình trong xó tối để tránh sự ồn ào bức bối luôn xảy ra chung quanh tôi. Mấy lon sữa Guigoz rất quý cho chúng tôi, vì loại lon này không sét, có thể đựng nước và thức ăn. Ở đây mọi thứ đều được lượm lặt và giữ cẩn thận để dùng cho mọi thứ : một khúc giấy để thay giày nịt, một mảnh giẻ rách để vá quần áo, một miếng ny lông để lót lưng (một số tù nhân bị bệnh tê thấp vì nền đất âm ướt). Cái chết không quyền rũ được tôi nữa, vì tôi nghĩ rằng số mình chưa tới, có lẽ còn nặng nợ, nên tôi cương quyết sống để nhìn đời, mặc dù trong hoàn cảnh nào.

Sau khi dọn chỗ nằm xong, niềm vui cũng bay đi và trong phút chốc, tôi chợt nhận ra rằng mình đang đói lả.

Khô nổi chung quanh tôi, một số tù nhân được gia đình tiếp tế từ Gò Công đang bày biện các thức ăn và đang nhai ngấu nghiến một cách ngon lành. Cách tôi khoảng hai chiều, tôi chợt thấy một người đang ăn một đôn bánh tét vừa liếc nhìn tôi. Quá xấu hổ vì mình đang nhìn miệng người khác nên tôi vội quay đi mà trong lòng như muốn khóc. Gã thanh niên đoán là tôi nhìn đôn bánh tét của hắn nên đứng dậy và đến bên tôi. Sau một giây do dự, hắn ngời bết xuống chiếu, và dùng sợi giây lạt cắt đôn bánh tét làm đôi :

– Nè, ăn bánh này thử coi, ngon lắm. Như chuối đó. Bô tên gì ?

– Tên Trọng. Cám ơn, bánh ngon quá.

– Tại sao bô bị bắt vậy ?

– Tôi à ? tôi đang đi du lịch bằng tàu đánh cá và tàu lại đi lạc ra biển nên được tụi tuần hải đưa về đây nghỉ mát.

Hắn cười khanh khách, để lộ hàm răng trắng, và sau khi ăn xong, hắn thu dọn lá chuối và trước khi đứng dậy về chỗ nằm, hắn lại nói :

– Tui tên Bùi Thanh Lý. Nếu bô có cần chi thì cứ nói. Hắn vừa nói vừa nhếch miệng cười. Một nụ cười meo mó. Góc trái của miệng hơi xệch lên cao lắm cho hắn có vẻ ranh mãnh và chán chường, mặc dầu hắn chỉ khoảng 20 tuổi.

Lý rất cao, khoảng bằng tôi và mảnh mai tuy thân thể rất rắn chắc, mắt sáng mũi thẳng, tóc dài và rậm che cái trán hơi võ có vẻ cứng đầu. Đôi môi dày, ít nói. Khi Lý

nói truyện, thì hẳn có vẻ như con nít nhưng khi nhìn từ xa thì hẳn lại có vẻ chán đời và mệt mỏi.

Thật ra lúc đầu tôi không ưa cái nu cưỡi thách thức đó, dáng đi ngớ ngáo và cách ăn mặc xộc xệch lồi thối của hẳn : một cái nón vải nhỏ rách rưới chup nghiêng nghiêng trên đầu, một cái áo blouson vải kaki rách nát và hở cả dây kéo đưa ngực trần. Biết bao nhiêu điều mà tôi không thích. Thế nhưng sau này, chính những điều này lại trở thành thân thiết khiến tôi không bao giờ quên được Lý.

Vì Lý đã đến trại này trước tôi vài ngày nên biết rõ chương trình sinh hoạt của trại và giải thích sơ lược cho tôi biết :

– Thức dậy lúc 4 giờ sáng, sau tiếng keng đầu tiên (tiếng bù lon gõ vào niêng bánh xe cam nhôm cũ).

– Thể dục tập thể và độ 15 phút sau đó, chúng tôi phải chạy đi lãnh phần ăn : một chén cơm và một vá canh lỏng bỏng nước, muối và vài cọng rau. Ở trại phát cơm 2 lần mỗi ngày, buổi sáng và buổi chiều. Thường thì buổi sáng chúng tôi chỉ ăn 1/2 chén cơm, còn 1/2 chén kia để dành buổi trưa. Chỉ vào những dịp lễ lớn chúng tôi mới được một tí thịt. Lý cho tôi biết rằng cứ theo cái «régime» này thì chắc chắn sẽ mạnh mai. Nếu muốn thay đổi thức đón thì phải tìm cách hái rau muống, hái ngó sen, hay lượm chuối ở dọc đường dẫn đến nông trường hoặc bắt cóc, nhái rắn lớn, luôn cả chuột, thằn lằn, rắn mối. Tuy nhiên không được chạm đến các chú khuyển, nay được dành riêng đặc biệt cho các cán bộ.

Lý nói với tôi :

– Nếu bố không thích các món này, thì chỉ còn cách ăn muối và uống nước lạnh cho đỡ đói !

Khoảng 4 giờ 30 sáng, tiếng keng thứ nhì tập hợp chúng tôi đi nông trường, xa trại từ 5 đến 10 cây số. Nội chuyện đi bộ đến nông trường cũng đã làm chúng tôi mệt rã rời, vì phải lội sông, băng đồng với cái giá đội trên đầu lúc qua sông. Lỡ bị mất thì sẽ bị ghép vào tội « phá hoại của cải nhà nước » hoặc tội « phản động » có thể đưa chúng tôi vào ngôi conex.

Conex là những thùng sắt bị mất mà chúng tôi thấy nằm sau dãy nhà lá. Đó là những thùng sắt vuông vức hai thước mỗi cạnh, lúc xưa người Mỹ dùng để chứa khí giới cho quân đội Mỹ. Bây giờ trường trại dùng để nhốt những tội nhân (được gọi là người học tập cải tạo) cứng đầu hay phản động.

Cái thùng vuông không cửa sổ mà chỉ có một cánh cửa duy nhất. Cũng may các thùng này cũ kỹ nên khi đóng cửa lại, các tội nhân còn thở được bằng các khe hoặc các lỗ sét. Thế nhưng dưới sức nắng thiêu đốt của mặt trời và tình trạng bị đói, với 1/2 phần ăn thường ngày, thường thường các tội phạm bị vào conex chỉ vài tháng là đi đổi nhà ma.

Chẳng thā ở ngoài chết sướng hơn, mặc dầu chúng tôi phải làm việc như những con vật. Thật ra từ khi vào trại thì tội nhân chỉ còn là một con vật, vì số trâu bò giảm bớt quá nhanh, các người xấu miệng nói là nhà nước đã « xuất khẩu » qua Liên Xô, nên chúng tôi phải kéo cày thay cho

trâu bò. Đây là bằng chứng cụ thể nhất của mức «tiên bộ vượt bậc» của Xã Hội Chủ Nghĩa.

Khoảng 4, 5 giờ chiều, thì chúng tôi được lệnh quay về trại. Cũng con đường dài hun hút, nhưng với sự mệt nhọc của cả ngày làm việc và cái bụng trống không. Khoảng 6 giờ thì tiếng keng báo hiệu giờ cơm. Chúng tôi lãnh phần ăn trong các muông vữa hoặc lon sữa và chúng tôi ăn thắm trong bóng tối như những con vật. Nói thật ra thì cũng không phải hoàn toàn như những con vật vì khoảng 7 giờ tối chúng tôi được phép «học tập». Ngồi chung quanh tên trưởng phòng, các tội nhân phải nghe nhai đi nhai lại những lời tuyên truyền của tên trưởng phòng ngu dốt, tự trung để ca ngợi sự giải phóng của Đảng (mà chúng tôi đã có dịp thưởng thức suốt cả ngày) và tội ác của «đế quốc Mỹ» và quân đội «Ngụy». Các tội nhân đầu mệt mỏi cũng phải ráng ngồi nghe và giả bộ phần khởi, hô hời, tán dương, nếu không sẽ bị ghép vào tội phản động. Vì tên trưởng phòng được miễn lao động nên hẳn ta mặc tình mà nói thao thao không lộ vẻ gì mệt mỏi, thế nhưng khi tiếng keng chót vào lúc 10 giờ báo hiệu đi ngủ, thì hẳn ta cut hứng và kết thúc buổi «học» sau một tràng phào tay (chúng tôi vỗ tay vì mừng rỡ buổi học được kết thúc, thế nhưng hẳn ta hớn hờ tưởng rằng được tán dương).

Tôi đã thấy tận mắt và nghe tận tai và sự thực còn ghê gớm hơn lời của Lý đã tả cho tôi biết, nhất là đối với những người không quen lăm lụng tay chân như tôi. Dung

cụ thì thô sơ, đất cứ dính dẻo nheo vào giá xẻng. Tay tôi lần hồi bị nổi mọng nước và khi bê ra đầu thầu xương. Thế nhưng mặc dầu tay rỉ máu vẫn phải tiếp tục làm việc để cố gắng xong phần của mình. Vài tuần sau đó thì trong lòng bàn tay đã nổi lên những mục chai và tôi đã có thể làm kịp các bạn.

Tôi nghĩ rằng «lao động» rất tốt, vì cơ thể được dịp vận động các bắp thịt, có điều tôi không đồng ý với câu «lao động là vinh quang» là chính quyền đã sử dụng chiêu bài này để trả thù nhóm người công chức và quân đội Việt Nam Cộng Hòa bằng cách hạ nhục họ, bắt họ làm việc quá sức lực, mà không cho ăn uống đầy đủ, trong khi nhân phẩm họ bị chà đạp và sức khỏe họ ngày càng giảm sút. Trên những con đường đất trơn ướt, chúng tôi đi chân không, không guốc, không giày, kể cả đôi dép «râu». Quần áo chúng tôi lần hồi bị rách mướp. Vì thế diện cũng như vì sự cần thiết, chúng tôi tìm cách vá víu lại.

Vì buổi sáng ở đây, gió thổi khá lạnh, nên chúng tôi vá áo bằng nhiều mảnh giẻ rách đủ màu sắc. Ai dễ hiện nay kiểu quần áo vá này lại đang thịnh hành ở Âu Mỹ. Ở giữa đồng trong buổi trưa nắng thật gắt, da chúng tôi bị cháy nám đen nên chúng tôi phải tìm cách làm nón bằng mọi thứ, giẻ rách, giấy bìa, lá chuối, luôn cả giỏ tre rách.

Có người đã tố cáo rằng chính quyền Hà Nội cho hành quyết những người học tập hoặc đầu độc họ. Tôi chưa được nhìn thấy điều này, ít ra trong trại tôi ở. Thật ra

họ đâu cần dùng biện pháp đó, mà chỉ cần nhốt chúng tôi và bắt làm việc quá sức, trong khi đầu óc lại bị nhồi sọ ray rứt, thì cũng đủ làm chúng tôi chết lần hồi, chết một cách tự nhiên, mà không tốn đạn cũng không gây tiếng vang trên quốc tế. Thường thì bệnh tật hoành hành trong các trại nhất là bệnh phù thủng, ho lao, kiết lỵ và bệnh sốt rét. Hầu như không có thuốc men gì cả, thường thì một số tội phạm buông tay để chết lần mòn trong tuyệt vọng và nhục nhã. Các bạn cũng phòng sau khi báo cáo cho trưởng trại, thường thì cuốn họ lại trong manh chiếu rách hay mấy thước ny lông rồi chôn họ sau vườn mĩ, mà không một nén nhang. Chỉ có niềm hy vọng là giúp cho các người học tập cải tạo cố gắng bám víu lấy sự sống. Hy vọng được sống để một ngày nào đó còn gặp lại gia đình. Chúng tôi (tôi hay dùng chữ «tội phạm» để nhắc nhớ hoàn cảnh của chúng tôi dưới mắt của bọn cán bộ) sẵn sàng chờ đợi nhiều tuần, nhiều tháng. Đang và nhà nước đã chẳng rêu rao câu «tình thương xóa bỏ hận thù» sao? Có ngày rồi chúng tôi cũng sẽ được «khoan hồng». Thế nhưng sau khi đợi 3 tháng, sáu tháng, một năm, hai năm, ba năm ... một số tội nhân buông tay nhắm mắt mà không còn chịu đựng được nữa.

Một vài tội phạm cố tìm vui trong những cuộc «tình cảm» với các nữ tội nhân. Cũng có một số cô còn trẻ chỉ vào khoảng 15, 16 tuổi và rất đẹp. Khoảng độ 300 nữ tù nhân bị nhốt trong một dãy nhà tôn lợp lá nằm phía sau văn phòng và nơi cư ngụ của cán bộ. Dãy nhà được rào

bằng kềm gai, nằm ngay giữa sân giống như một hòn đảo huyền hoặc mà ánh mắt của các nam tội nhân hay hướng về đó. Nơi đây thường hay xảy ra những cuộc đánh lộn và cãi nhau. Đây là một trong các trại «phục hồi nhân phẩm» được mọc lên như nấm, dùng để nhốt các cô gái điếm và để dạy họ một nghề. Ý định thì hay, nhưng sự thật rất đau lòng. Họ bị nhốt như những tội phạm và được học một nghề duy nhất là đan đệm và sau một thời gian «học tập tốt» được thả ra, nhưng chưa chắc nhân phẩm họ đã được phục hồi. Thường thì các nữ tù vì tự ái, không liên lạc với gia đình, hoặc vì gia đình quá nghèo hay ở quá xa nên đa số không được thăm nuôi. Ngoài sự mất tự do họ còn thiếu thốn về vật chất nên dễ sanh ra cau có gắt gỏng, nên thường hay gây gổ đưa đến ẩu đả. Tội tôi đứng xem, từ trong vòng rào kềm gai của dãy trại nam, và vỗ tay cổ vũ, vui cười. Đó là những dịp duy nhất để chúng tôi giải trí. Các nữ tù nhận được đặt dưới sự kiểm soát của nữ cán bộ và sự trực tiếp trông nom của bà Tam mập, một mu tú bà đang trên đường hoàn lương. Bà Tam ngụ trị trên đăm con dân một cách nghiêm khắc, đi đâu cũng có cây roi mây trên tay. Thế nhưng các nữ tù rất mến bà và gọi bà ta bằng Má Tam. Bà ta khoảng 50 tuổi và còn khá đẹp mặc dầu hơi «xổ sữa». Bà ta đặc biệt có dáng đi đung đỉnh như con vịt bầu và cái miệng lưỡi thì không ngừng hoạt động. Nhiệm vụ của bà ta là dàn xếp những cuộc cãi nhau và rình rập để ngăn chặn hoặc báo cáo những sự liên lạc có thể xảy ra giữa các nam và nữ tù nhân. Có đôi lần, khi chúng tôi đi công tác cũng có được dịp đi gần một số các

cô đi gánh nước, nhưng chúng tôi không dám nói truyện, vì điều lệ của trại cấm các nam, nữ tù nhân nói truyện với nhau. Chúng tôi chỉ còn biết nói truyện bằng mắt. Cũng may điều lệ của trại không có dự trừ khoản này. Nói nghe thì thật thở mòng, nhưng vì quá lo nghĩ nên tôi cũng không thiết đến việc này, tôi chỉ cần một người bạn để tâm sự.

Sau vài lần nói truyện với Lý, chúng tôi chỉ trao đổi vài câu với nhau trong mấy tuần lễ sau đó. Tôi thấy Lý truyện trò với mấy người nằm gần, và tôi cũng có lần nói truyện qua loa với người nằm chiếu kê bên tôi. Chúng tôi chơi trò cut bắt như vậy, mặc dầu trong lòng tôi cảm thấy trông trai và rất cần một người bạn để tâm sự. Có lẽ Lý cũng nghĩ như tôi, vì đôi lần tôi nhìn lên qua bên kia, chột bắt gặp Lý đang nhìn lại, tôi lăm bộ tảng lờ, rồi quay mặt vào vách mà thở dài. Kinh nghiệm trong tù cho tôi biết rằng con người có thể chấp nhận sự thiếu thốn về vật chất nhưng khó mà chấp nhận được sự thiếu thốn tình cảm và sinh lý.

Lần hồi, sống chung đung trong một khoảnh đất nhỏ hẹp, trong tình trạng tuyệt vọng này, chúng tôi trở thành những con người bùn xín, bần tiện, dử tợn, vā hay gây gổ. Chúng tôi thay đổi tánh tình và gây với nhau vì những truyện nhỏ nhặt. Có người khi xưa kín đáo nay trở thành những người thô mō, nhiều truyện vā độc ác. Lúc đầu, mỗi lần có người chết hay bị tai nạn vì mìn nổ, thì chúng tôi than thở và buồn bã. Sau đó chúng tôi thấy như việc tâm

thương, và với tháng năm qua, khi có người chết đi, chúng tôi cho là họ có phước vì chết đi là rảnh nợ.

Những mối tình bạn thương được nảy nở quanh một giở đồ ăn thăm nuôi, và tình cảm cũng phai lạt lần khi đồ ăn trong giở với đi. Trong trại, để khỏi bị phạm một trong 36 điều cấm lệnh, bọn tù chỉ còn cách nói chuyện về ăn uống. Họ bàn tán về những món ăn xưa hoặc những buổi tiệc thịnh soạn mà họ sẽ thưởng thức khi ra trại. Nhóm khác thì lại bàn về truyện đăn bà, tiêu lâm, và kể nhau nghe những mẩu truyện nghe qua phải đủ mặt. Sau đó có lẽ họ lại trở về với nỗi cô đơn càng thăm thía hơn nữa. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho họ và cho cả tôi nữa.

Ở đây, sự thiếu thốn lại có khi giúp một số người tỏ rõ tình người. Ông Sáu đã cứu tôi ở trong tù Gò Công, giúp cho tôi lấy lại sức, cho tôi chiếu đắp, cho tôi mấy cái lon cũ để đựng đồ ăn. Trong tù, vì thiếu thốn về thuốc men, chúng tôi săn sóc nhau bằng cây, bằng lá, bằng rễ, bằng cách cạo gió hoặc giác hơi. Trong phòng tôi, lại có thêm một bác sĩ, bác sĩ Thất, nhưng cũng đành bó tay vì thiếu phương tiện máy móc và thuốc men. Nhà sư Thiện Tâm, khá rành về môn châm cứu, đã cứu cũng khá nhiều người trong trại, hơn cả ông bác sĩ kia nữa.

Riêng tôi, thì từ khi bị bắt đến giờ, tôi không được tin tức gì của gia đình, dầu tôi tin rằng ba má tôi đã nhận được tờ nhắn tin mà tôi đã nhờ ông Sáu tìm cách gởi từ Gò Công. Gia đình tôi có lẽ đã biết rằng tôi còn sống và đã bị bắt, nhưng không biết tôi đã được chuyển đi đâu.

Không biết gia đình tôi hiện sinh sống ra sao, gia sản đã bị tịch biên chưa? Anh rể tôi đã đi trình diện để đi học tập cải tạo chưa. Không hiểu chánh quyền địa phương có làm khó để gia đình tôi không? Hiện giờ ở trường Đại Học Nông Nghiệp có lẽ người ta thấy sự chống đối tiêu cực của tôi bằng cách bỏ trường, bỏ nước ra đi. Không hiểu các đồng nghiệp của tôi nghĩ gì. Những câu hỏi cứ tiếp tục quay cuồng trong đầu óc tôi, trong khi thân xác tôi càng ngày càng kiệt quệ. Ngay lúc đó, trưởng trai lại tiếp tục gọi tôi lên thăm vấn.

Họ trôi tôi hai tay ra sau lưng, và dẫn tôi lên văn phòng trưởng trai, một căn phòng trống rỗng, với một bàn và hai ghế. Trên tường là hình bác Hồ và một biểu ngữ to tướng «không có gì quý hơn độc lập, tự do» cạnh một cây cờ đỏ sao vàng.

Có người đã ví von rằng «Cộng sản quả thật là hay, cụ Hồ đã làm đúng lời cam kết trên biểu ngữ. Tiếc thay cụ chỉ có làm xong việc phân nửa rồi bỏ dở, vì hiện nay Đảng và nhà nước đã thực hiện xong phân đầu của kế hoạch. Nghĩa là hiện nay Miền Nam «không có gì» hoặc là không còn gì cũng được!

Nói về sự đi đóm của dân Miền Nam, xin bỏ đầu ngoặc để kể vài mẩu truyện con con, chứng tỏ sự chống đối của dân. Trẻ em hay sửa bài hát hoặc câu biểu ngữ của chánh quyền mới, các bà các cô thì gặp các công an mặc áo vàng thì nói nhỏ với nhau là «bò vàng», «Xã Hội Chủ Nghĩa» được biến thành «Xếp Hàng Cả Ngày» và các danh từ quái dị của họ cũng bị méo mó đi để chế diễu.

Tôi đang mỉm cười vì những chuyện đó thì giọng the thé của tên cán bộ lôi tôi trở về với thực tại.

– Tại sao anh định rời bỏ Việt Nam ?

– Đảng đảng của anh mấy người ?

– Anh cho biết chiếc tàu Mỹ nào đang đợi các anh ngoài khơi ?

Những câu hỏi như những nhát búa bổ vào đầu tôi, tên cán bộ đi vòng quanh chiếc bàn khiến tôi phải nhìn theo hần khi trả lời, đầu óc tôi bị quay cuồng đảo lộn, và trong ánh nắng chói lòa từ cửa sổ, tôi chợt mất thăng bằng và không còn nghe, không còn hiểu những gì hần nói nữa.

Tôi mở mắt thấy hần dẫn một khẩu súng lục trên bàn. Tôi ngỡ tưởng thấy mình đang tuột rơi vào một hố sâu xoay tít và không còn biết gì nữa cả.

Cũng nhờ tôi bị bất tỉnh vào lúc ấy, nên họ mới khiêng tôi liệng trở lại phòng giam. Các bạn cùng phòng cho tôi biết là thường thì khi hần ta bắt đầu dẫn súng lên bàn là sắp tới màn tra khảo. Có người bị đánh bằng cây hoặc bằng băng súng đến đổ máu. Sau đó, có lẽ vì số người bị bắt quá đông, họ chỉ phát cho chúng tôi giấy và bút để là «Phiếu lý lịch và tự kiểm». Chúng tôi phải «thành thực» kể lại gốc tích từ hồi còn đi học, kể tên họ, chức vụ, địa chỉ của các bạn bè anh em cô bác ông bà nội ngoại luôn cả ông xó, bà cố. Chúng tôi phải tìm xem những hành vi của mình có «phản động» và «chống lại nhân dân» không, và phải tố cáo những gì mình biết về các bạn đồng trại, hoặc các người còn bên ngoài để họ

tim bắt.

Chúng rêu rao rằng nếu «thành thật hồi cải» và khai
đúng sự thật thì sẽ được khoan hồng và được trả tự do nếu
«học tập tốt», «lao động tốt» và «tự kiểm tốt».

Thật là một trò hề, thật là một sự gạt găm vô nhân
đạo. Chúng tôi bị giam tại đây cũng chỉ vì lối sanh ra dưới
chế độ cũ, không làm lính thì cũng làm công chức như
vậy cũng là có tội với «nhân dân». Chúng tôi bị giam tại
đây cũng vì không cùng một tư tưởng với chủ nghĩa xã
hội. Và lại, chủ nghĩa này không cần người dân có tư
tưởng, mà chỉ cần những con mũa rồi mũa thôi. Tôi ghét
nhất là những luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của
chủ nghĩa xã hội. Họ luôn luôn đề cao tự do độc lập
nhưng lại cúi đầu trước quan thầy Liên Xô vĩ đại cũng với
«đồng chí anh em Bắc Kinh» vì họ nói là hệ «môi hổ thì
răng lạnh».

Quả thật vậy, sau khi xích mích với đồng chí anh
em thì Bắc Kinh chỉ hổ môi là đồng chí tay sai lại lạnh
run ngay.

Đời sống tại trại Mỹ Phước Tây cứ tiếp tục như một
cái máy. Ngày tháng trôi qua như cơn ác mộng hải hùng.
Ngày dài vô tận, đêm cứ không thôi. Trong sự chết chóc,
tù đày và đói khổ, trong sự uất hận, căm tức, con người
lần hồi đi đến sự tự hủy diệt, tử thân xác đến tâm hồn.
Tôi không còn muốn chết nữa, mà muốn sống một cách
mãnh liệt, để xem trò đời sẽ đi tới đâu. Và lúc ấy, tình
bạn đã đến với tôi.



Phụ bản II : ẢO ẢNH

CHƯƠNG BA

Ngày hôm đó, chúng tôi được chỉ định để vét một con kinh bị đất lở và cây cỏ mọc gần bị kín. Nói về các «con kinh ta đào» của chánh quyền Hà Nội bày ra để đẩy dọa dân miền Nam, tôi nhận xét rằng có một số kinh cần thiết để cho sự di chuyển của thuyền ghe, và một số kinh dùng cho sự canh tác. Thế nhưng, có một số kinh mà bọn tù cải tạo chúng tôi phải đào lại không có mục đích gì ngoài sự đẩy dọa chúng tôi vì các kinh đó nằm trong những vùng đất đây phen chua, nơi mà không có gì mọc được ngoài những ruộng đứng. Đứng là một thứ cỏ lác mọc hoang nơi các đầm lầy, được dùng để lợp nhà hoặc đan đệm.

Đào đất sinh là một công tác giản dị nhưng ôi thôi khô sở, vì dụng cụ thô sơ, cuộc xuống thì mơn lẳng, cán cây lại cứng đờ, nên đất bùn sinh dính vào đá, liêng không đi.

Hôm đó tôi được chỉ định công tác trên một khoảng độ mười thước kinh. «Đục Râu», tên «antenne» hướng

dẫn chúng tôi dùng một que cây để đo phân đất của mỗi người. Hắn đi lại trên đê, tay cầm cây que như thông chế đi duyệt binh, thấy thật dễ giận. Trong khi đó, chúng tôi lội bì bõm trong bùn, cố lặn hụp để moi sinh đắp lên bờ. Leo lên gần bờ thì mớ đất đã tan đi đâu mất. Tôi muốn chảy nước mắt và thần thờ nhìn phân công tác của mình, tự hỏi biết chừng nào mới xong. Thật ra từ hồi còn là sinh viên, tôi cũng hay đi bới lội, và thích thể thao, nên đối với tôi, mặc dầu «lao động» quá sức tôi vẫn cố gắng hoàn thành. Nhưng tôi cảm hận vì việc đào kinh này chẳng đem lại lợi ích gì cho «nhân dân» cả. Đây chỉ là một trong những sự ngu xuẩn của bọn cầm quyền mới này mà thôi. Hôm đó, Lý làm việc bên cạnh tôi nên hẳn thấy tôi tiu nghỉu như vậy bèn tôi nghiệp :

– Thôi bỏ, ráng lên đi. Tôi làm xong sẽ giúp cho bờ.

Các ban đồng đội khác cũng hi hụp lặn nhào trong bùn sinh, trong khi tên Đực Râu ngồi hút thuốc lào. Ở xa xa mấy cán bộ võ trang đang nói chuyện trên bờ đê.

Tôi bì bõm lội trong sinh và làm xong một phần tư được chỉ định trong khi Lý đã hơn nửa phần của hắn.

Tôi thấy Lý leo lên bờ để nghỉ xả hơi. Thấy Lý ngồi xuống bờ đê, tôi định kêu hắn trở xuống thì đã nghe giọng hạc dịch của Đực Râu :

– Ê, thằng kia, ai cho mày nghỉ mà mày ngồi đó ?

Hắn ta là một du kích, sau theo chiêu hồi, và được trưởng trại tin dùng nên hẳn rất lên mặt.

Tôi định ra hiệu cho Lý xuống làm việc tiếp, vì thật

ra chúng tôi cũng được phép nghỉ mệt chốc lát, nhưng phải nghỉ tại chỗ, nghĩa là đứng dưới kính. Chỉ khi nào có phép mới được lên bờ để ngồi nghỉ. Lý vẫn ngồi và thản nhiên trả lời :

— Tôi đã gần xong phần công tác, nghỉ mệt một chút không được sao ? Lợi dưới nước mệt lắm chớ phải như ngồi trên bờ đâu.

Một sự im lặng bỗng nhiên bao trùm lên chỗ chúng tôi đang làm việc. Những cặp mắt lơ đãng mệt mỏi bỗng sáng lên, chúng tôi thỏa mãn vì có người đã nói lên ý nghĩ của chúng tôi.

Đức Rau giật mình, hấn ta ngạc nhiên vì có người dám trả lời lại hấn.

— Ê, thằng kia, lại đây tao biểu !

Hấn hách dịch gọi Lý, hai tay bẻ cong cong cây que. Tụi chúng tôi ngừng móc đất, buông vôi đá xeng để theo dõi. Lý điềm nhiên đứng đây, và khi đến gần Đức Rau, khoảng một thước Lý đứng lại chờ đợi.

Mấy tháng lao động đã làm cho Lý hơi gầy, song thân thể vẫn còn khỏe mạnh. Tôi thoáng thấy nụ cười xênh xêch trên khóe môi Lý, và chợt mong rằng Lý sẽ tặng cho Đức Rau một quả dấm vào bộ mặt khá ô của hấn, nhưng tôi lại sợ cho những hậu quả mà Lý sẽ gánh chịu. Đức Rau đang hoang mang không biết xử trí ra sao, vì khi nhìn lại thân thể gầy còm của hấn, bề cao thì thua hấn Lý, hấn sợ sẽ bị Lý đánh trả lại, vì cán bộ lúc đó ở khá xa. Khi họ can thiệp thì hấn đã tởi bới hoa lá. Chắc hấn nghĩ vậy nên dùng kế hoãn binh :

– Đồ làm biếng, đi tiếp tục làm xong phần công tác của mày, khi về trại sẽ tính sau.

Lời hăm dọa làm cho hắn lấy lại phong độ. Hắn day qua đám tù tui nghiu đang tiếc rẻ vì không xem được một màn thỏa đáng, nói :

– Tụi bay làm gì đứng đó ? đi làm tiếp tục. Đồ phản động.

Tôi thấy mền Lý từ đó. Sau trận cãi vã đó, chúng tôi lảng lẽ làm việc và sau khi xong công tác, Lý âm thầm sang làm tiếp phần của tôi còn đang dở.

Trên con đường về trại, tôi âm thầm lo sợ cho buổi kiểm thảo chiều nay. Thật vậy, đêm hôm đó, trong buổi học tập sau phần sơ khởi thường xuyên, Năm Sơn, gã trưởng phòng với khuôn mặt phì nộn và nhiều đa nghi, đã được báo cáo liền sau khi chúng tôi đi công tác về, với đề nghị với Đức Râu báo cáo về công tác trong ngày.

Chúng tôi mỗi một sau một ngày làm việc nên gần kiệt sức, nhưng vẫn không dám dựa vào vách lá. Phần tôi thì đã dự bị sẵn một cái gối rơm để chèn sau lưng, nên không gì khổ sở lắm. Tuy nhiên trông ngực tôi đánh liên hồi khi Đức Râu kể lại mẩu truyện ban sáng, và thêm thốt :

– Anh Lý đã cải lại lệnh công tác và định hành hung người hướng dẫn. Anh Lý khinh khi «lao động» trong khi cụ Hồ đã bảo «Lao động là vinh quang». Anh Lý đã đi ngược lại đường hướng của nhân dân. Đề nghị tập thể báo cáo lên cán bộ Trưởng trại để làm gương.

Báo cáo lên Trưởng trại đồng nghĩa với đi vào conex,

vài tháng sau là theo ông bà. Năm Sơn cũng không ưa gì Đức Râu, nên hỏi lại tập thể:

– Anh Lý có gì đề bảo chưa không? Xin tập thể cho ý kiến.

Lý lập vấp trả lời. Đức Râu khôn khéo gài cho Lý nổi giận. Tập thể quá mệt mỏi không cho ý kiến gì. Năm Sơn liền hỏi:

– Nếu tập thể không có ý kiến, thì tôi lấy quyết định. Có ai còn gì đề nói nữa không?

Tôi ngạc nhiên nghe tôi nói, giọng lạc hẳn vì quá xúc động. Tập thể im lặng quay lại nhìn tôi. Lần hồi tôi lấy lại bình tĩnh:

– Thưa trưởng phòng, thưa tập thể. Trưa nay tôi làm việc gần anh Lý, nên xin làm nhân chứng. Quả thật anh Lý có lên bờ ngồi nghỉ, nhưng khi bị quở trách thì anh Lý tiếp tục làm việc và đã xong phần công tác. Có lẽ vì quá mệt mỏi nên anh Lý có trả lời với trưởng nhóm, nhưng tôi không nghe anh Lý có lời lẽ khinh khi lao động. Xin tập thể xét lại.

Căn phòng im phăng phắc. Bỗng nhiên, anh trưởng nhóm Hai Lung từ nãy giờ chưa có ý kiến, lên tiếng làm tập thể nín thở để theo dõi. Hai Lung khi xưa là thư ký ở xã, nay cũng là một «antenne» nhưng rất được cảm tình của anh em.

Hai Lung đưa tay về phía trước:

– Xin có ý kiến. Để tập thể có chút thời giờ sửa soạn đi ngủ vì đã gần giờ nghỉ, tôi xin vấn tất: Anh Lý thuộc

nhóm của tôi, nhưng hôm nay vì có công tác ở văn phòng nên tôi không có mặt tại Kinh Một. Nhưng tôi xác nhận rằng anh Lý lao động tốt. Nếu lần này anh Lý có vi phạm kỷ luật thì tôi xin đề nghị tập thể phạt cảnh cáo anh Lý, bằng cách làm «tự kiểm» và nộp cho trưởng phòng, đồng thời hứa với tập thể không tái phạm nữa. Xin tập thể cho ý kiến.

Căn phòng nhộn nhịp lại. Kẻ nói tới người nói lui. Bị nhốt lâu ngày không có gì để nói, người ta thêm nói; truyện gì cũng bàn, từ truyện mua một cây chổi đến truyện lỗi lầm nhỏ nhất của nhau. Sau cùng Năm Sơn lên tiếng :

- Tôi kết luận : tập thể cảnh cáo anh Lý, nhưng không báo cáo lên Trưởng trại. Đề nghị bề mặt họp.

Lý đã thoát khỏi conex trong đường tổ kẻ tóc. Chiều hôm sau, Lý nhận một tờ giấy và một cây viết Bic để làm «tự kiểm»..

Tôi thấy Lý tần ngần một lúc lâu, hình như suy nghĩ lắm, và sau cùng đến chỗ tôi năm đề nhỏ viết dùm :

- Bỏ viết dùm tôi đi. Biết gì mà viết bây giờ ? Thiết là rắc rối. Hấn đỏ mặt nói.

Vớ lẽ ra thì hấn ta viết chữ Việt cũng chưa thạo, nói gì đến «tự kiểm». Và cũng nhờ dịp đó mà tôi hiểu rõ gia cảnh của Lý hơn, dễ thông cảm với Lý hơn nữa.

Gia đình Lý sinh sống ở Nam Vang từ lâu đời rồi, và làm ăn buôn bán rất phát đạt, cho đến năm 1970 khi có truyện hiềm khích giữa hai chính phủ Miên-Việt. Việt kiều

hồi hướng đó xô trở về Việt Nam để tránh sự giết chóc và từ đó bắt đầu một cuộc đời trôi nổi cho Lý.

Má Lý vội vã mang mớ hành Lý và ba đứa con trở về Việt Nam trước để tránh nạn, còn ba Lý ở lại để thu xếp và cố gắng cứu vớt chút vốn liếng, hẹn sẽ sang Việt Nam sau. Ba Lý biệt tích luôn từ đó.

Má Lý chờ đợi tuyệt vọng và một năm sau đó lập gia đình để cố gắng nuôi con. Lý là con lớn, năm đó đã mười bốn, mười lăm tuổi. Ở Nam Vang Lý học chữ Miên, và khi qua Việt Nam, không thích đi học tiếp, vì miếng cơm manh áo, và vì hai đứa em gái còn nhỏ dại. Má của Lý định cư tại Mỹ Tho, nơi còn vài người thân thuộc. Khi người cha ghé bước chân vào nhà, thì Lý bắt đầu cuộc sống lưu lạc vì không hợp với người chồng sau của mẹ, và lại Lý không nghĩ rằng cha mình đã chết. Nó bỏ nhà đi rong với đám bạn bụi đời, và làm tất cả các nghề, bán báo, đánh giấy, khuôn vác ở bến tàu, đập xích lô và sau cùng, khi «giải phóng» về thì hẳn ta đang làm nghề dân mồi và bảo vệ các cô gái ăn sương.

Lẽ dĩ nhiên trong cuộc đời gian truân ba chìm bảy nổi chìn lênh đênh, Lý đã có dịp vào tù ra khám, với những tội lật vạt như đánh lộn hay bài bạc. Chưa đầy hai mươi tuổi mà Lý đã nhìn đời với cặp mắt chán chường, đời đã dạy cho Lý những bài học chua cay. Hẳn ta thù đời vì đời nhiều bất công, nhưng khi Miền Nam bị chiếm đóng, thì Lý lại đâm ra ghét bọn người mới đến cầm quyền. Trong một buổi say sưa, Lý đánh lại một tên bộ đội khi tên này định lên mặt trong một quán rượu. Và Lý bị bắt nhốt tại

trại giam Mỹ Tho một tháng sau ngày 30 tháng 4. Lý được đưa tới trại Mỹ Phước Tây chỉ vài ngày trước khi tôi đến.

Sau này, tôi được biết rằng Lý gọi tuyen với tôi và chia bánh tét cho tôi vì hôm đó tôi ăn mặc bộ đồ cũ mềm để khỏi bị để ý khi vượt biên. Hắn ta tưởng tôi cũng là dân đánh cá hay phu bến tàu. Khi biết được rõ chuyện tôi là giảng viên đại học, Lý ngỡ ngàng, nhưng có lẽ đã rõ tình hình tôi nên hắn dám ra mên tôi và từ đó chúng tôi thân thiết với nhau hơn nữa.

«Nhật nhật tại tù, thiên thu tại ngoại», thời gian dài lê thê. Chúng tôi ăn uống cực khổ, làm việc như những con vật và bị bac đai, đánh đập khi vi phạm kỷ luật, nhưng sao vẫn sống. Con người sanh ra đều ham sống, đâu hoàn cảnh nào đi nữa. Nhưng sự cố đốn lăm cho con người mau bị quan và chán nản. Từ khi có bạn, cuộc đời tôi như bớt phần tù cực. Trên con đường dài hun hút, đầu miệng đắng lưỡi khô, chúng tôi kể nhau nghe những mẩu truyện vui, và cười lên như trẻ con. Nói nhớ nhà cũng phôi pha và cuộc đời có ý nghĩa hơn. Thời gian sau này, khẩu phần chúng tôi từ 12 kí gạo một tháng bị giảm xuống còn có 9 kí, và phần canh cũng chỉ còn có ít cọng rau hay một chút bí rợ với nước muối. Lý rất lanh lợi và trên đường đi công tác, luôn luôn tìm ra rau muống, hoặc rau mồng tơi về nấu ăn đậm cho đỡ đói. Lý cũng khá khỏe, nên hay tìm vác củi khô về để nấu nước uống, vì nước ở đây rất độc, uống nước sống dễ bị thô tả. Từ hồi vào trại tôi đã thấy nhiều người bệnh bị đưa ra nằm ngoài «vườn mĩ», nghĩa là

nghĩa địa gần chỗ trông mi.

Lý lo phần ăn uống, tôi thì đỡ nên đành chịu lép, cũng may có tài và quần áo nên cũng được nhờ. Khi nào rảnh tôi hay vá quần áo cho tôi và chợ Lý, chả lẽ mình không xài vào được việc gì sao. Nghỉ lại cũng vui vui.

«Đội» chúng tôi được 50 người, hôm nọ được chỉ định đi cắt lúa. Ở đây trồng lúa xạ, vì nước ngập rất cao, chỉ có loại lúa này theo nước nên mọc được. Lúa xạ thưa và ít hạt, nên cắt lúa rất mệt mà khó đạt chỉ tiêu, nghĩa là phần công tác được giao, khoảng một ôm lớn chừng một thước rưỡi bề vòng. Cắt lúa hay bị đứt tay vì lá lúa bén mà tôi không quen, nên Lý hay giúp đỡ tôi. Trong những dịp đó, tôi lại thấy quê hương mình đẹp lắm sao, trên đồng lúa vàng lố nhố vài chiếc nón lá thật là hữu duyên.

Thật ra lúc sau này, chúng tôi làm công tác cho cán bộ, vì họ đề cao chế độ vô sản, nhưng họ lại muốn có gia sản riêng, nhà cửa, xe cộ hoặc đất đai, ruộng vườn.

Chánh quyền Hà Nội chủ xướng việc đấu tranh giai cấp, những chính giới lãnh đạo lại làm nảy sinh ra một giai cấp thống trị chuyên chế, sống phè phỡn trên đa số dân vô sản. Chính tôi cũng đã phản đối sự bất công trong xã hội cũ, những tướng chanh quyền Cộng Sản sẽ đem lại cho dân chúng sự no ấm. Nếu như giới lãnh đạo đòi hỏi dân chúng «hy sinh» thì lẽ ra chính họ phải làm gương bằng cách tự nghiêm khắc với họ. Đảng này sự tham nhũng càng lan tràn, càng lộ liễu và càng sâu rộng hơn. «Đừng nghe những gì họ nói và nhìn những gì họ làm», thật đúng

thay.

Nói về truyện ăn uống mà không nói về truyện câu xi thì thật là một thiếu sót. Mà nói thì lại kỳ quá. Nhưng sự thật là trong trại chúng tôi có một ao cá tra thật lớn, trên làm cầu và dưới thả bèo nuôi cá, thật là nhất cử lưỡng tiện. Đi tiểu tiện cũng có giờ giấc, bởi vì bọn tù chỉ được phép đi ra ao cá tra buổi sáng từ 4 giờ tới 5 giờ, và buổi chiều từ 6 giờ. Ngoài ra cửa cầu đóng kín : ao cá được rào kẽm gai cẩn thận. Họ sợ bọn tù lên bắt cá để ăn.

Thật ra, đi cách này rất thích thú khi có gió mát, nhưng khi mùa mưa tới, nước ngập tràn lan và nước trong ao bắt đầu mặn thì công việc nuôi cá phải đình chỉ lại. Bọn chúng tôi phải lặn hụp trong đầm lục bình nhờ bản để lưới tất cả đám cá tra ở trong ao. Tôi thực hành công tác một cách tự nhiên. Nghĩ rằng tới bước đường cũng này, còn gì mà giữ gìn nữa. Với tâm trí thanh thản như vậy, mà khi đối diện với ... thực tế tôi phải rùng mình. Nhớ lại có lúc phải đi gánh phân đi tưới cải, tôi cảm thấy mắt mình hơi cay cay. Từ đó tôi sợ phải ăn cá và sợ luôn cả ăn cải. Thế nhưng không ăn lấy gì mà sống.

Hết mùa nuôi cá, nhưng vì vấn đề vệ sinh vẫn tiếp tục nên trưởng trại ra lệnh chúng tôi đào những hố thật to, bắt ngang đó những miếng ván gấp ghềnh. Vậy là xong những hầm cầu dã chiến. Từ đây, mỗi lần đi vệ sinh là một cực hình đối với tôi. Đây là cách nhắc nhở bọn tù chúng tôi là nhân phạm chúng tôi không còn gì nữa cả.

Nếu họ đánh đập và chửi mắng chúng tôi thì chúng

tôi cũng buồn có một, mà bắt buộc chúng tôi sống như những con thú vật, thì chúng tôi buồn cho thân phận chúng tôi gấp mười, gấp trăm lần. Thêm vào đó sự tủi nhục được tái diễn hằng ngày qua những giờ điếm danh. Nếu điếm danh ngoài sân cỏ thì còn đỡ vì chúng tôi đứng có hàng có lối như quân đội, có đội trưởng báo cáo số hiện diện và cán bộ đêm lại kiểm soát. Còn điếm danh trong phòng khi trời mưa thì phải ngồi lom khom như con chó, gặp phải cán bộ dữ dằn thì phải nhận thêm vài cây gậy khi ngồi không ngay hàng thẳng lối. La thay, lúc ấy mọi việc đối với tôi rất thõng : một khi mình chấp nhận thì mọi sự phũ phàng không có chỗ bám víu : tôi vẫn là tôi và họ không làm gì được tôi. Lý và tôi thường hay kể nhau nghe về truyện gia đình, vì chúng tôi xa gia đình quá lâu mà không tin tức, không gặp mặt, không một hy vọng được một ngày thả tự do. Chúng tôi bị làm «giấy lý lịch» cả năm bảy lần, nhưng tội trạng thì không thấy đem ra xét. Thật ra có người bị bắt mà không có tội rõ rệt, nếu họ phải đem ra tòa án nhân dân mà không có tội gì để gán thì cũng khó xử họ. Rồi ngày qua ngày, Tết lại gần đến. Ngoài con số các bạn bị binh thổ tả, tiêu chảy hay sốt rét lần hồi đi ra nằm ngoài vườn mi, một số khác bị đập mìn trên nông trường, có người cắt giò, có người bỏ mạng. Còn chúng tôi vẫn lầy lắt sống trong nạn đói thường xuyên. Có người bắt chuột để ăn, hoặc luộc rong rêu làm canh ăn đồ đổi. Đa số chúng tôi xanh như tàu lá, có người bị bệnh thủng, xem tướng tá thì tướng là mập, mà khi đụng ngón tay sờ vào người thì đầu tay in rõ ràng trên da thịt

Chúng tôi thêm một miếng mắm ruốc xào thịt, chúng tôi thêm một miếng bánh bông lan. Đối với tôi hạnh phúc đó đã quá tâm tay chúng tôi rồi. Phải thấy một đám tù gày còm búi tóc trong đồng rác để tìm một củ mì thú, một chút khoai sùng mới thấy thấm thía câu «lấy tình thương xóa bỏ hận thù» của Phạm Văn Đồng và Tôn Đức Thắng. Theo thiên ý của tôi thì cụ Hồ là người nhân ái, trót lỗi theo chủ nghĩa vô thân, nhưng chắc cũng là người thương dân. Nếu cụ còn sống thì có lẽ không có cảnh này. Hay là rốt cuộc bọn họ cũng như nhau : chủ nghĩa và nguyên lý của đảng bắt buộc họ phải hành động như vậy. Bỗng dưng vài tuần trước Tết, chúng tôi được thông báo rằng «thể theo chánh sách khoan hồng của nhà nước», năm nay chúng tôi được biên thư về cho gia đình để báo rằng ngày 30 Tết chúng tôi được gặp mặt người nhà, và có thể nhận mỗi người một gói quà. Tin tức chuyển nhanh trong trại. Làn đầu tiên một niềm vui đến với chúng tôi.

Chúng tôi được nhận mỗi người một tấm giấy và 1 cây viết Bic được đưa chuyên để viết thư. Phải làm thật nhanh, vì cả đội mà chỉ có 2 cây viết. Từ khi «giải phóng» xong thì giấy và viết trở thành «tư liệu» của bộ Quốc phòng nhà nước, nên họ «quản lý» một cách chặt chẽ, kéo bọn phản động chúng tôi có thể dùng đồ để «liên lạc phản cách mạng» thật buồn cười cho bọn ngu dốt mà lại thích dùng chữ hay. Dân miền Nam ghét nhất cách họ dùng chữ cho kêu để chỉ định những gì tâm thương nhất. Tóm lại, chúng tôi «tranh thủ» để «hoàn thành công

tác» ... viết thở trong buổi sáng. Tôi nhăn má tôi lên thăm, nói rằng «chúng tôi vẫn mạnh khỏe» và đang ở đây rất «thoải mái» và «đang học tập tốt để sớm trở về đoàn tụ gia đình». Tôi xin má tôi đem cho một bộ bà ba đen, một hũ mắm ruốc, và ít cục kẹo vì nghe thêm ngọt.

Lý định trả giấy viết, vì không muốn biên thư cho gia đình hẳn để xin xỏ. Tánh nó là như vậy, không ưa ninh hót hay xin xỏ ai, cả gia đình hẳn mà hẳn đã bỏ tử lâu. Tôi dăng lấy giấy viết và căn nhắc Lý :

– Sao bố kỳ quá vậy ? Nghe lời tôi dùm một lần coi. Hay là để tôi biên cho. Thiệt là cứng đầu. Bố biết không, tôi nghĩ rằng thế nào gia đình bố cũng mừng khi được tin bố vẫn mạnh khỏe. Sẵn đó xin luôn ít cái quần mà bạn, riết rồi coi như ăn mây, mang chài mang lưới vậy mà chịu sao ? Với lại, bố hứa sẽ giới thiệu em gái bố cho tui mà. Bố cứ hẹn giờ thăm cùng lúc với má tôi và chị tôi, thì tôi sẽ chỉ má tôi và chị tôi cho bố xem. Không nghe lời thì đừng thêm nói chuyện với tôi nữa.

Sau khi lăm trận lăm thương với Lý, nói qua nói lại, nói trả nói treo, nói bóng nói gió, rốt cuộc Lý bực mình quá bèn chịu thua và biên ít hàng về cho má hẳn.

Tôi cảm thấy vui vui vì đã lăm cho Lý nghe lời tôi. Đây là bằng chứng của mối cảm tình nó dành cho tôi. Tên bại-đời-không-thuốc-chữa như nó, chưa biết nghe ai, chưa biết sợ ai, nay rất nghe lời tôi, và rất sợ tôi giận. Vì tôi giận dai lắm.

Ngoài sự vui mừng sắp gặp được người thân, chúng tôi lại được thêm một niềm vui nữa. Người bạn-đồng-hành nằm kế bên tôi sau một trận đau dữ dội, được chuyển ra đây «nhà nhỏ» dành riêng cho những người bệnh nặng và hay lây. Gọi là nhà nhỏ vì đó là những nhà chòi thấp lụp xụp. Thường thì từ «nhà nhỏ» ra «vườn mì» chỉ có mấy thước đất mà thôi.

Chỗ trống kế bên tôi nằm làm tôi nảy sinh ra một ý nghĩ mới. Tôi vội đi tìm Hai Lung, trưởng nhóm chúng tôi để xin cho Lý được nhận chỗ đó, vì mấy tháng nay nó nằm ngay lối đi. Hai Lung hình như có cảm tình với tôi nên chấp nhận lời xin của tôi – Còn Lý thì đời nào mà đi xin xỏ điều gì – Tôi thì lại nghĩ khác. Mình không nên quá cứng cỏi. Thường thì cây sậy uốn mình theo gió nên khỏi bị gãy, nhưng khi gió đã đi qua thì sậy vẫn đứng thẳng mình lên mà sống.

Tụi chúng tôi lăng xăng quét dọn góc phòng sạch sẽ, làm kệ mới bằng mấy miếng gỗ mục, để đón xuân và dọn ngày thăm nuôi của gia đình.

Ngày 30 Tết đã đến trong sự nô nức của bọn chúng tôi. Nhờ trong thư có viết địa chỉ nên gia đình chúng tôi đã có mặt từ bình minh. Đa số đã phải di chuyển từ một ngày trước để có thể có mặt sớm trong ngày thăm nuôi. Từ khi giải phóng xong, thì các xe cộ cũng bị giải phóng luôn bằng cách cho ra ngoài Bắc. Số xe ít ỏi còn lại ở Miền Nam ngày càng cũ dãn mà không có phụ tùng nên hay bị panne. Muốn có vé xe đồ phải dành dặt, xếp hàng

mua vé chợ đen, chờ đợi cả ngày mới hy vọng được lên xe.

Muốn di chuyển, má tôi cho biết phải đi xin giấy phép đi đường và trình đủ lý do. Chúng tôi ở trong nước Việt Nam nay đã được «độc lập tự do» (không có gì quý hơn) mà muốn đi thăm bà con phải xin phép. Nhà cầm quyền Hà Nội hãy trả lời chúng tôi câu hỏi này : «Nếu chúng tôi không được đi thăm ông bà cha mẹ ngay trong đất nước chúng tôi, thì tự do là tự do thế nào ? Nếu chúng tôi phải tôn thờ Staline hơn cả tổ tiên thì độc lập là độc lập làm sao ?»

Trở lại trại Mỹ Phước Tây, buổi sáng hôm đó thật là nhộn nhịp. Năng ban mai sáng rực rỡ trên con đường bụi cát dẫn đến công trại. Lũ lượt đàn bà trẻ con bông ả, tay xách nách mang, đến chật cả công trại.

Mấy ngày trước đó một số chúng tôi được chỉ định ra làm nơi tiếp tân. Thật ra đó chỉ là hai hàng rào làm bằng tre, cách xa nhau khoảng hai thước, làm thành một hành lang nơi cán bộ đi tới đi lui để kiểm soát. Gia đình chúng tôi được đứng một bên rào. Một số chúng tôi lân lượt được kêu ra và chúng tôi đứng bên này rào, mà nắm tay không đặt với thân nhân đứng bên kia rào. Có khi nói không nghe rõ phải la làng la xóm mới mong thông tin được với người nhà. Cái giỏ xách có mang tên người nhận được tập trung lại một chỗ, để cán bộ xem xét trước khi phân phát lại cho chúng tôi. Tất cả đồ đạc bị mở tung, các ổ bánh cũng bị xâm xoi, một số đồ «không thích nghi» thì bị tịch thu. Cán bộ trại kỳ nhất là nhận gạo. Họ nói «Bộ mấy chị tưởng chồng của mấy chị chết đói hay sao mà cho gạo.

Mang về hết đi».

Quà cáp để được nhận là bánh trái, ít chai dầu hay một bộ quần áo. Chúng tôi may mắn được gặp gia đình, được nhận quà thăm nuôi. Còn bao nhiêu anh em khác bị bắt đưa ra miền Bắc xa xôi, miền Trung hiểm trở, tới khi chết đi không nhìn thấy mặt thân nhân một lần, không được ăn một miếng bánh ngọt, không được nói một lời trần trối với người thương.

Má tôi sa sút thấy rõ, còn chị tôi thì vẫn duyên dáng trong bộ bà ba và nón lá. Chị tôi khi xưa hay lăm dáng và lúc anh ấy còn tại chức, chị rất thích ăn diện, mà nay xem ra giản dị và gầy gù lại. Đã tám tháng qua, lần đầu tôi được gặp và có tin tức gia đình. Trong đám thăm nuôi ôn ào, chúng tôi nghẹn ngào chỉ nói với nhau dăm ba câu. Được tin anh rể tôi đi học tập ngoài Bắc đã bật tin, đời sống khó khăn vì bị đói tiền mấy lượt, buôn bán bị cấm đoán, người dân sống trong cảnh thiếu thốn và đe dọa thường xuyên.

Các bà các cô đi thăm nuôi đều mặc áo bà bà. Tôi được biết chánh phủ mới không thích áo dài vì tà áo dài được so sánh với sự trưởng giả, sự quyền thế, nên đa số phụ nữ không dám mặc áo dài để khỏi bị chế ý. Vạt áo dài Việt Nam đã vượt qua bao nhiêu thời kỳ đô hộ mà vẫn được duy trì, nay dưới chế độ này lại biến mất đi. Ấu cũng là một biểu tượng : Khi một nước rơi vào tay Cộng Sản thì sẽ trở thành vô văn hóa và vô tổ quốc.

Ngày thăm nuôi qua đi, rồi ngày Tết cũng qua đi. Chúng tôi trở lại với thực tế khủng khiếp và chua chát. Từ nay chúng tôi sẽ phải đi làm luôn cả ngày chủ nhật. Tin đồn lan rộng là năm nay thất mùa, nạn đói đang đe dọa, có lẽ vì thiếu phân bón, hoặc vì người dân thiếu hăng hái trong việc canh tác. Ai đại gả làm việc cho nhiều, xong bán cả cho các Hợp tác xã để lấy chút tiền tượng trưng không giá trị. Công, tử chức thì lãnh lương chỉ đủ mua chợ đen ít kí lô gạo và vài miếng thịt nói gì đến việc mua sắm xa hoa. Không biết đồng chí vĩ đại viện trợ cách nào mà tình trạng kinh tế ngày càng suy sụp. Trong trại chúng tôi sự thiếu ăn càng thêm trầm trọng, nếu không lãnh được phân quà mỗi tháng thì có lẽ anh em chúng tôi đã số không còn sống sót tới ngày nay.

Trong thời kỳ mấy tháng đầu, từ ngày về trại, chúng tôi thường nghe tiếng súng nổ, lắm khi có cả tiếng trung liên nghe thật gần, như kể bên trại. Những lúc đó thì cán bộ vũ trang náo động hẳn lên. Chúng tôi được lệnh phải nằm im, ai có cử chỉ khả nghi hoặc xê dịch sẽ bị bắn hạ tại chỗ. Lý do là vì có những cuộc đụng độ giữa kháng chiến quân và bộ đội canh phòng. Chúng tôi mừng rỡ trong im lặng, những thâm cầu nguyện được kháng chiến quân giải thoát. Thế nhưng tiếng súng thưa dần rồi im bật.

Anh em trong trại chuyển tai nhau những mẩu chuyện nghe lén được về lực lượng vũ trang của lính Cộng Hòa đang thành lập để chống lại chế độ hiện hữu. Chúng tôi được biết là sau ngày 30 tháng 4, nhiều binh sĩ Việt

Nam Cộng-Hòa không chịu buông súng. Một số sĩ quan hình như còn giữ cả số binh lính và súng ống đã bỏ vào trong rừng, vì ý chí bất khuất không chịu đội chung trời với chính quyền mới. Hình như số người này thời gian đầu còn hoạt động mạnh nhờ màn lưới kiểm soát của chính quyền mới chưa ăn sâu vào trong quân chúng. Nhưng có lẽ họ thiếu hẳn tiếp tế, vì mặc dầu lòng dân căm thù Cộng Sản và muốn phục hồi lại chế độ tự do, nhưng dưới chính quyền mới, người dân bị kiểm soát nghiêm ngặt đến nỗi mọi hành vi đều bị báo cáo, thì mọi hoạt động chống đối khó được thực hiện. Chúng tôi thâm nghĩ đến bao nhiêu chiến sĩ anh hùng đã bỏ mình vì tổ quốc, vì tự do, đang nằm tại nghĩa trang Biên Hòa. Sau đó hình như bức tượng người lính VNCH đã bị hủy diệt.

Sau bao nhiêu năm chiến tranh tương tàn, nay cả người chết cũng không được nằm yên.

Một đêm nọ, chỉ vài ngày sau Tết, chúng tôi đang ngủ thì bị đánh thức dậy bởi những tiếng mìn và tiếng súng nổ đòn tan. Có lệnh mọi đội phải di tản danh và báo cáo tức khắc. Thì ra có một số anh em vượt trại, có người thoát, còn một số thì đạp phải mìn gài quanh trại. Chúng tôi xầm xì bàn tán, nhưng phải cố dằn lòng vì số antenne để ý.

Đã nhiều lần có nhiều anh em vượt trại, bị bắt lại hay bị bắn hạ. Số người bị bắt lại thì bị đưa vào conex.. Cũng có anh bị bắt nhốt tại Conex sau một thời gian thì hoá điên, chờ khi cán bộ mở cổng cho đi tiểu tiện mới

ngày độ năm phút thì đâm vào giắt súng để bị cán bộ bắn hạ tại chỗ. Đó cũng là một hình thức tự tử. Có người tự tử ngâm bằng cách tự buông xuôi : Khi ý chí con người không còn chống trả lại sự chết chóc thì cái chết tự nhiên đến.

Chúng tôi rất rầu mỗi khi có chuyện vượt trại, vì sau đó kỷ luật lại càng nghiêm khắc hơn nữa, ngoài việc phải chứng kiến thêm cảnh mấy cái xác chết để nằm gần công trại trong vài ngày để cảnh cáo những người còn mang hy vọng vượt trại tìm tự do. Một số người quá quẫn trí trở nên mất hẳn bản chất cũ, tóc họ bạc thật nhanh và đôi mắt không còn thần sắc nữa. Mấy anh em ở trong conex một thời gian sau, nếu chưa chết được thì thành những cụ già tóc trắng, mặt nhăn nheo và thân thể teo nhỏ lại, có người tuổi chỉ độ ba mươi.

Sau ngày anh em vượt trại thì trưởng trại ra lệnh đổi phòng. Nghĩa là các đội phải chuyển phân nửa dân số trong đội mình đi đội khác, và nhận số mới từ các đội khác đưa về. Mục đích của cán bộ là chia rẽ số anh em thân nhau để dễ dàng chuyển liên lạc vượt trại, và để gài một số antenne mới trong mỗi phòng. Lễ đương nhiên là Lý cơ tên trong danh sách bị chuyển trại, vì Đức Râu chưa chịu quên mối thù ngày cũ và đây là dịp để hẳn chia rẽ chúng tôi. Trong vòng năm mươi phút, cả trại nhộn nhạo hẳn lên. Sau khi quở vội mở quần áo rách, Lý buồn bã xách cái bị băng rách mướp đi theo đám anh em bị chuyển trại. Tôi nhanh trí nhét vôi cho Lý cái mùng mới

màu xanh da trời mà mẹ tôi đã gửi cho tôi. Lý ngần ngại không chịu lấy, và rút cuộc bằng lòng với điều kiện là tôi phải giữ lại cái mền lính mà má nó gửi cho nó lần thăm muối.

Tối ở đây lạnh và nhiều muỗi lắm, và Lý đi rồi thì còn ai mà giặt mà hơ nữa.

Cả mấy tuần nay chúng tôi không được gặp nhau. Lệnh trại nghiêm ngặt cấm đội viên khác đội liên lạc với nhau. Chúng tôi bị cấm rời khỏi vòng rào trong cái sân nhỏ xíu khoảng mười thước vuông trước sân mỗi phòng.

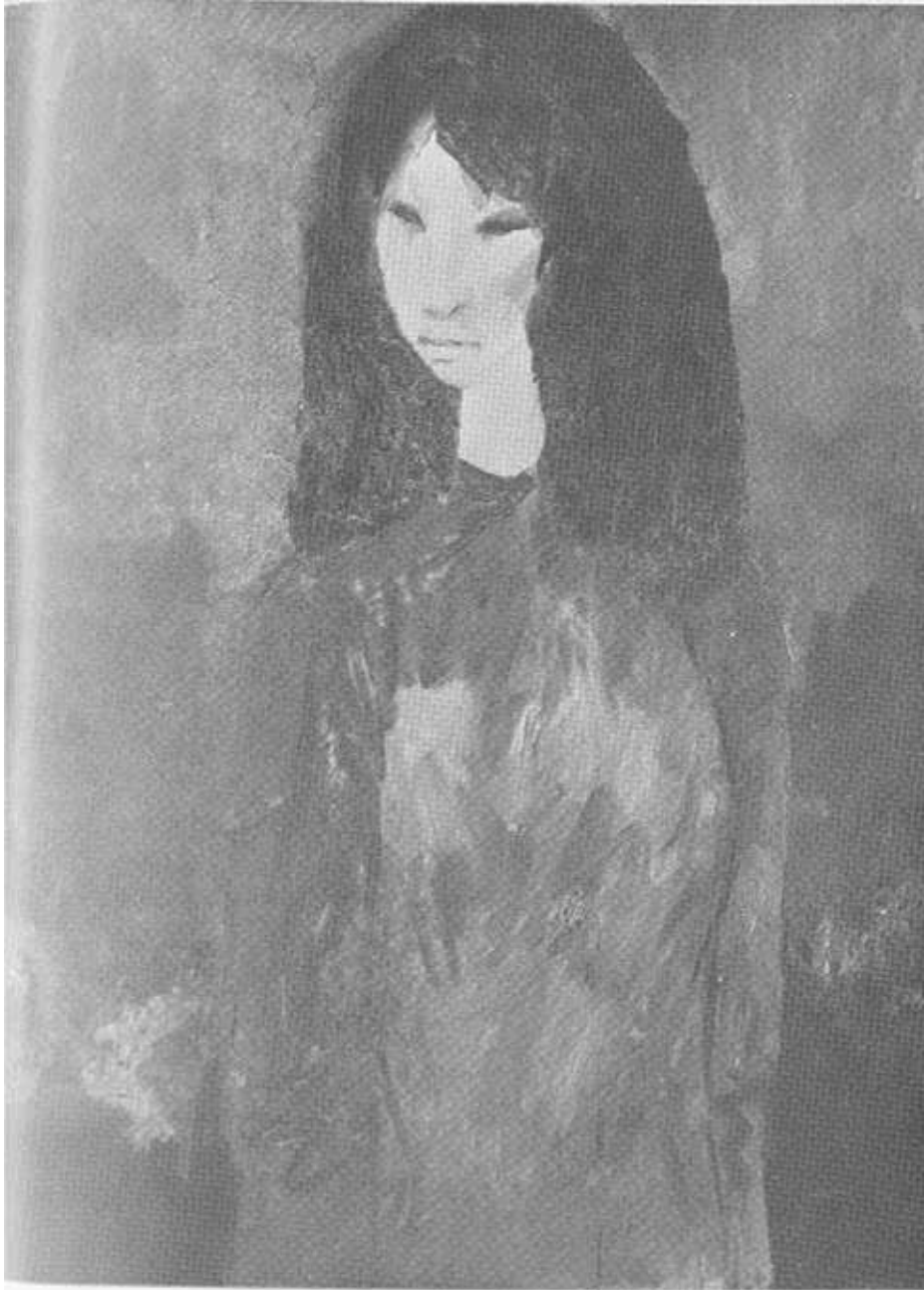
Một người khác đội được chỉ định đến thăm kẻ cận bên tôi. Nó tên Tí, nhưng nhỏ con và lí lắc nên người ta kêu nó là Tí chuột. Tôi không ưa hẳn vì hẳn ta hay chưởi thể và nói năng thô lỗ. Thế nhưng khi nào có chút đồ ăn tôi vẫn chia cho hẳn. Lý đi rồi thì ngày lại dài hẳn ra, tôi lại nhận thức rõ ràng thân phận tù đầy của mình hơn nữa. Hình như Lý còn buồn hơn tôi nữa là đằng khác. Trong cuộc đời trôi nổi của Lý, nó đã từ bỏ hẳn gia đình, và cuộc sống chỉ đem lại cho nó một số bạn bè trong đám buôn bán ma túy hay các cô gái lẳng chời nay có được một người bạn, có lẽ Lý cảm nhận sự mất mát lớn khi chúng tôi bị tách xa.

Sau đó, chúng tôi tìm được liên lạc với nhau bằng cách hẹn đi ra cầu cá tra thật sớm sau tiếng keng đầu tiên. Trong năm ba phút ngắn ngủi, chúng tôi trao đổi những mẩu chuyện buồn vui, có khi cho nhau miếng bánh

hoặc củ khoai cũng tạm thấy vui vui.

Có lần chúng tôi đi cắt đũng về đê thay củi trong bếp, vì củi trở nên khan hiếm. Trong dịp này, Lý tìm cách giúp tôi bằng cách chia bớt số đũng của nó cho tôi khỏi bị phạt khi không đủ chỉ tiêu.

Loại cỏ lác này cao hơn đầu người, muốn cắt phải lội xuống sinh khoảng tới ngực. Đám đĩa đói cứ đeo lấy chân mà hút máu. Chúng tôi có dịp nói với nhau năm ba câu, rồi phải trở về hàng ngũ của đội mình. Trên những con đường trơn ướt, bó đũng nặng những nước sinh trên đầu, tôi lặng im đếm bước để mặc nước sinh chảy từ đầu tóc xuống mặt mũi, chảy xuống cổ và ướt cả áo quần. Chúng tôi đi thẳng một mạch mấy cây số về tới trại, mà không dám nghỉ, vì mỗi lần để bó đũng xuống thì không còn sức dõ lên. Có lần tôi trượt chân té xuống bờ đê. Bó đũng nặng quá rồi, tôi đã kiệt lực rồi. Có ai giúp tôi không ? Cuộc đời tôi như vậy đó : như một cuộc đắm tàu.



Phụ bản III : VƯƠNG VẤN

CHƯƠNG BỐN

Một cái Tết nữa lại sắp trở về trên quê hương tôi. Chúng tôi vẫn còn bị giam giữ. Cứ mỗi khi có lễ lạc, thì vẫn phòng trại lại rộn rịp và chúng tôi đâm ra hy vọng được trả tự do. Nhưng vì số người ít ỏi được thả «tượng trưng» (đa số do cán bộ can thiệp nhờ gia đình «có chân trong cách mạng», hoặc nhờ mấy lượng vàng) lần hồi chúng tôi không còn ảo tưởng nữa. Thế nhưng trại chúng tôi năm nay mang một bộ mặt khác nhờ thay đổi trưởng trại. Tân trưởng trại gốc người lục tỉnh nên ưa thích cải lương. «Anh Hai» cho phép chúng tôi gọi anh như vậy, ra lệnh cho chú Tám, một bầu gánh hát cũ hạng B hay C gì đó, phải thành lập một gánh cải lương để giúp vui nhân dịp Tết và để cho gia đình anh tới xem. Ngoài ra, anh Hai còn ra lệnh cho thành lập một đội bóng tròn để gây chút sinh khí trong trại.

Có lẽ anh Hai tượng trưng cho một số cán bộ, mặc dầu theo chế độ này, nhưng vẫn còn giữ được tình người. Và Tết năm đó, trại chúng tôi nhộn nhịp hẳn lên.

Chú Tám khi xưa là bầu gánh kiêm luôn nhạc trưởng, nên chú đàn guitare rất hay và đương nhiên là rành tất cả bài bản đủ cả Ba Nam Sáu Bắc và đương nhiên có cả vọng cổ. Chú xin phép được «tuyển lựa ca sĩ» trong mỗi đội. Tôi rất mê thích cái lương tử nhỏ, từ lúc má tôi dẫn đi coi hát bội ở đình hoặc coi các vở tuồng «lâm ly bi đát» có bà hoàng hậu gân ngày sanh mà bị cảnh ly loạn làm cho khán giả rơi lệ đầm đề.. Tôi mê thích cái lương vì tính chất đơn sơ và hồn nhiên rất gần gũi với tính tình chất phác đơn hậu của người miền Nam. Tôi cũng bập bẹ hát cổ nhạc, nhờ khi xưa có đi học đàn vọng cổ, nên cũng «đăng ký» làm nghệ sĩ. Sau buổi tuyển lựa ca sĩ, số anh em được giữ lại cho «gánh hát bầu Tèo» khoảng mười người, một số được chỉ định nhắc tuồng, đối cảnh, ánh sáng và âm thanh. Nghe qua cũng xôm tụ như một gánh hát thật. Chúng tôi bối rối khi gặp phải một tình trạng nan giải: Trong trại có điều lệnh cấm nam nữ can phạm tiếp xúc với nhau. Các nữ can phạm sẽ trình diễn «riêng» các màn văn nghệ của họ, như ca hoặc vũ – Còn chính ban văn nghệ của các nam can phạm phải tự tìm lấy mấy «cô đào» trong đám «nghệ sĩ» của mình.

Chú Tám đã có cách giải quyết : chọn trong số, tụi tôi vài đứa mảnh mai để làm đào hát. Ba cô đào được chỉ định là ...tôi, Bùi Dân và Hũ Hã, ba đứa «tương đối» kha khá, tuy tướng điệu thì cứng nhắc và tiếng nói thì ồ ồ nhưng chú Tám cho rằng với hóa trang và ánh đèn mờ, tụi này cũng cho ảo tưởng là «đào hát», mặc dầu làm sao sánh được với Thanh Nga, Lê Thủy !

Sống trong tủ nhục âm thầm đã lâu, chúng tôi như những con vật chỉ còn chờ ngày đem ra làm thịt. Nay có dịp đem lại cho mình chút hứng khởi nhờ văn nghệ, và mang lại cho anh em cùng trại niềm an ủi nho nhỏ nhân ngày Tết đến, nên chúng tôi ra công đắp sân khấu, lợp nóc, may màn bằng bao cát; Phông và cánh gà bằng phen đem được tôi vẽ vào đỏ đỏ xanh xanh bằng mấy lon sơn loại xấu : chỉ còn mấy tuần nữa là tới Tết, sợ không kịp chuẩn bị nên anh Hai cho phép các nghệ sĩ được miễn lao động vài giờ mỗi ngày, và chúng tôi được về trại sớm hơn các anh em. Anh Hai cho chúng tôi một mớ quần áo tịch thu của các người vượt biên. Chú Ba thợ may giúp tôi thực hiện một mớ áo quần Tàu, bằng cách sửa lại chút ít rồi may thêm nilông màu, đính vào đấy giấy bạc thuốc lá, bông hoa giả; tóc giả làm bằng dây nilong đen, ngực giả bằng giẻ rách, đao kiếm bằng cọng đu đủ, vương miện bằng lon sữa bò biến chế, đồ hóa trang bằng phấn sậy của em bé, bột màu và lọ nổi cạo từ đất nồi. Thời bấy giờ chúng tôi được lãnh mỗi tháng một đồng để mua kem đánh răng. Chúng tôi góp lại và nhờ đó, anh Hai tậu được một máy phát điện cũ mèm, một micro và hai ống đèn néon xanh và đỏ. Chúng tôi chép vai vào giấy xi-măng và tập tuồng ráo riết. Chú Tám tuyển thêm được vài nhạc sĩ : anh Năm đàn guitare, chú Bảy đàn cò, thằng Hiếu đánh trống và thằng Tí chuột đánh phen la (bằng hai nắp nồi). Cái micro duy nhất được treo tòn teng và di chuyển bằng dây kéo.

Tập bài bản thì không sao, mà hễ tới lúc ráp tuồng và

ra điệu bộ thì thật là khó cho tụi «đào lộn hột» chúng tôi. Ăn mặc thì như ăn mày, quần cụt áo rách bươm, mả mở miệng ra thì nào là tâu phụ vương và mẫu hậu, đã vậy có những cảnh mùi mẫn nữa mới chết cho ba đứa tụi tui. Mấy anh kếp thì hát hay thật, Kim Luông ca ráo nên đóng với tụi rất xứng. Anh ta ca hay như Tấn Tài vậy. Còn Hồng Châu thì có làn hơi thật dài, xưa là du đấng có xâm hình con ó trước ngực nên biệt danh là Châu Ó. Hề Nuôi cố gắng bắt chước giọng của Văn Hường còn chú Ba Đủ mập mạp đóng các vai nịnh là ăn tiên. Tụi hát dở hơn các «cố kia» nhưng nhờ vũng nhịp nên được lâm đào chính, học vai mệt luôn. Đã vậy tụi còn phải thực hiện một đầu lân bằng giấy bồi để mấy anh em người Việt gốc Hoa biểu diễn.

Đội banh đã thành lập xong, Lý được tuyển vào hội và anh em luyện tập trên ruộng lúa (sân trong nay được san bằng và bồi lại). Lật bạt đã đến đêm ba mươi.

Con người không chỉ nhờ ăn mà sống. Phần tinh thần còn quan trọng hơn nhiều. Từ lúc có chút hoạt động thể thao và văn nghệ, anh em chúng tôi như có chút an ủi tinh thần nên sự thiếu thốn vật chất như bớt quan trọng hơn. Cả trại như một đám cây khô vừa được tưới cho chút nước.

Sáng ngày 30 Tết, các đội bóng ra tài thi đua. Buổi trưa có múa lân và chúng tôi nhận được mỗi đứa vài miếng thịt heo bằng ngón tay cái. Những ôi thôi sao mà sung sướng lạ. Buổi chiều vừa xuống thì anh Hai cho chạy máy

điện và đám nghệ sỹ rộn rịp sắm tuồng. Trong khi các anh em được hưởng dẫn ra sân và ngồi chồm hổm trước sân khấu thì chúng tôi đứng sau cánh gà để hóa trang. Các nữ can phạm được bà Tám mập hướng dẫn ngồi phía sau anh em, với một khoảng cách độ hai thước để bà ta dễ kiểm soát. Cán bộ võ trang đứng bao quanh để xem hát và để canh chừng mọi sự đào thoát. Anh Hai và gia đình, chị Tử y tá và một số cán bộ thì được ngồi trên ghế, sắp dài theo vách nhà bếp. Khung cảnh rộn rịp vui vui.

Chúng tôi hóa trang gần xong. Các vai nam coi cũng xôm tụ với quần áo, mũ gươm. Còn ba cô đào thì coi lạ hoắc với lớp hóa trang và tóc giả, ngực giả. Tôi mặc bộ đồ Tàu màu đỏ chói, nhìn vào cái kiếng nhỏ không nhìn ra tôi nữa. Tôi chợt nghĩ đến các đoàn hát Kabuki Nhật Bản, các vai đào do kép đóng, có lẽ cũng cũng tâm trạng với chúng tôi. Khi các cô đào hóa trang xong thì các anh em bu lại chọc ghẹo, kẻ kéo tóc, người sờ ngực, làm các cô kêu la cầu cứu đến nỗi chú Tám phải can thiệp mới tạm yên. Ánh đèn mờ ảo làm cho sân khấu nổi bật trong bóng đêm, như một hòn đảo huyền hoặc.

Màn văn nghệ bắt đầu bằng lời cảm ơn của chú Tám, xong tới màn vũ của các nữ can phạm, tụi tôi đứng trong cánh gà nhìn ra xem cũng thấy hay hay. Xong lại có vài bài ca cách mạng, loại vô duyên như «thành phố mang tên người» «cô gái vót chông» và «tiếng chày trên sóc Bombo».

Lật bạt đến phiên chúng tôi. Thấy tên «đào Trọng» nghe không hay nên chú Tám giới thiệu thành phần các

vai bằng tên mới : «Cô đào Kiều Mỹ», khiến cả trại nhốn nháo hẳn lên.

Màn kéo lên, cô đào ngưỡng ngấp cầm cây quạt bằng lông vịt chưa biết phải làm gì thì tiếng vỗ tay nổi lên xen lẫn tiếng xầm xì :

- Ê tụi bay, cô đào nào vậy ?
- Con nhỏ nào coi được quá vậy hén ?
- Chắc con nhỏ nào mới vào đội nữ.
- Bậy, gánh hát thiệt đó mấy ời !
- Ôi, tao biết rồi, cái thằng cao cao ở đội 9 đó mà.

Hôm kia gánh nước cho nhà bếp tao thấy tụi nó tập tuồng.

Anh Hai coi bộ thích thú lắm, đi tới đi lui, bước chân cà xịch có lẽ do bị thương trong một trận đụng độ nào đó.

«Rap hát» ồn ào đến nỗi anh Hai phải lên tiếng để chúng tôi tiếp tục hát. Tiếng đàn guitare, đàn cô nổi lên nghe thật hay. Dưới ánh đèn mờ ảo, với một vở hát xưa, anh em có dịp tưởng tượng là trong một phút giây nào đó, được thoát khỏi trại giam và sống lại một khoảng kỷ niệm ngày xưa. Tôi cảm thấy có bốn phận tiếp tục đóng tròn vai trò của mình, không có quyền làm anh em thất vọng. Tự nhiên tôi thấy mình trở thành nhân vật mình đóng, tôi hoàn toàn không còn là tôi nữa, mà cứ chỉ lời ca điệu là nhân vật trong tuồng. Vở tuồng tiếp diễn trong sự chú ý và mê thích của anh em. Đến màn cuối, đến đoạn ai bi, tôi chợt nghĩ đến thân phận tù đày của tôi, nghĩ đến Lý, đến thân phận lầm than của dân tộc tôi, tự nhiên mắt

tôi mờ đi, nước mắt chảy dài khi ca xong bản chót. Tấm «màn nhung» bằng bao cát khép lại trong trăng vổ tay nồng nhiệt, khép kín tâm sự đời tôi.

Từ đó, gánh hát chúng tôi tiếp tục trình bày nhiều vở tuồng khác, cứ một hoặc hai tuần là có trình diễn, tính lại có hơn ba mươi vở tuồng xưa. Sau đó lại thêm các tuồng mới loại cách mạng như là «tìm lại cuộc đời» và «Ánh lửa rừng khuya». Nhưng có lẽ anh em đều nhớ vở tuồng đầu nên đi đâu tôi cũng được gọi là «công chúa» làm công chúa xấu hổ vì đang bận quần cụt tay cầm xẻng và mặt mũi lem luốc như con ma. Tôi nghĩ rằng gánh hát chúng tôi đã giúp chúng tôi và anh em phần nào niềm vui để tiếp tục sống trong âm thầm chờ đợi. Nhờ được vài ưu đãi do vai trò tôi đóng nên được miễn đi nông trường và còn sống sót tới ngày nay.

Số người vượt biên càng nhiều, số bị bắt càng tăng thì trại chúng tôi lại dậm ra chật chội và thức ăn càng thêm thiếu thốn. Trưởng trại nhận lệnh chia một số anh em về nông trường mới, thật ra chỉ là vài mái nhà lá được cất vộì trên một khoảng đất sinh được bồi lên bằng đất của máy con kinh mới đào. Vùng này đầy muối mông và đĩa, nước mặn đầy phen nên không có gì mọc được ngoài loại cỏ lác xác xơ, không vật gì sống được ngoài muối và đĩa.

«Được đi» nông trường có nghĩa là được đi lãnh án tử hình. Chúng tôi lo sợ nhưng việc phải đến đã đến.

Một buổi sáng chúng tôi được miễn công tác. Đây là

điêm xấu. Anh Hai mang loa ra gọi danh sách thành phần được chuyển đi nông trại. Tôi lắng nghe thấy gọi tên Lý. Như vậy thì từ nay không những cách đội mà còn xa cách cả trại, và không biết Lý có thể thoát khỏi số phận dành cho các con người được xử dụng như những con bò, để «thí nghiệm» xem con người có thể sống nơi đầm lầy hay không. Trong số chuyển trại lần này cũng có Lý vậy là từ nay chúng tôi đã xa hẳn nhau rồi.

Số còn lại ở trại cũng tiếp tục sống, sinh hoạt cũng lại rai và chúng tôi cũng tiếp tục trình diễn vài vở tuồng mới. Cuộc đời «đi hát» của tôi mang lại cho tôi lắm vui mà cũng nhiều buồn.

Buồn là vì đêm đầu tiên sau khi trình diễn, tôi có hẹn với Lý sẽ lên lại đội thăm nó. Sau khi xem xong vở hát, Lý tìm cơ đau bụng và xin về đội. Trưởng phòng cho người đưa nó về. Đêm ấy trời tối đen, vì là đêm giao thừa, nhưng sao lấp lánh và trời mát mẻ, gió hiu hiu làm tôi quên đi là mình đang ở trong trại. Đêm Văn nghệ tiếp tục bằng những bản nhạc «giải phóng».

Tôi xin chú Tám cho về đội để rửa mặt, nhưng thay vì về đội 9 của tôi, tôi lại bẻ queo đường về và trực chỉ hướng đội 12, nằm cách đó vài chục thước. Vướng víu trong cái áo dài lét bết và tay áo rộng, tôi bị cán bộ võ trang bắt gặp và họ gán cho tôi tội toan đào thoát. Tên cán bộ này làm lì và trông ánh mắt đầy căm thù của hắn, tôi thấy cô đọng lại hận thù của bao nhiêu năm tưởng tượng vì một ý chí mù quáng. Chỉ trong đường tơ kẽ tóc,

hắn sẵn sàng nã đạn vào tôi. Các cán bộ khác thì trái lại, rất mê cái lưỡng và họ cười khi thấy chúng tôi hóa trang. Trong điệu nhạc của bài «Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người», tên cán bộ đưa tôi lên văn phòng. Nếu không nhờ tôi lanh trí và không nhờ sự mến mộ cái lưỡng của anh Hai, tôi đã vào nằm tại conex.

Niềm vui pha lẫn với nỗi buồn của tôi khi một cô trong đội nữ lại thầm yêu cô đào khá ái vờ trong một đêm văn nghệ lên trao cho tôi một bức thư. Rồi thay bà Tám mập lại chụp được bức thư và đưa lên văn phòng. Cô gái giang hồ ngày nào, tưởng đâu con tim đã chai đá, nay lại đi yêu một chàng trai qua lớp áo của một cô đào hát. Nguyệt bị bắt và bị công tại đội, một chân mang xích dính vào cây cột giữa phòng giam. Theo lời thư thì tôi chưa tiếp xúc lần nào với cô ta, nếu không thì có lẽ tôi cũng bị công như cô ta vậy. Cả trại xầm xì bàn tán và người ta lại càng để ý thêm đến cô đào được gái si mê. Một tuần sau đó, một đêm nọ sau buổi hát, anh Hai cho gọi tôi cấp tốc lên văn phòng trại. Nguyệt vừa bất tỉnh sau mấy ngày không ăn uống. Cô ta vẫn theo dõi vở hát từ cửa sổ phòng bằng cách leo lên một cái ghế đầu, nhờ sợi dây xích dài khoảng một thước nên Nguyệt có thể xê dịch được.

Đêm ấy có lẽ vì quá yếu sức, Nguyệt té ngã từ chiếc ghế và bất tỉnh luôn, mà không cách nào làm cô ta tỉnh dậy. Chính bà Tám mập đã vắn kẻ để anh Hai gọi tôi lên. Tôi thậm lo sợ vì hễ bị gọi lên văn phòng không bị xích thì cũng bị công.

Anh Hai đưa tôi xuống trại giam nữ và ra lệnh tôi phải chữa bệnh cho cô ta. Bà Tám mấp đở Nguyệt dậy. Trong căn phòng tối tăm và ẩm ướt, Nguyệt nằm trên chiếc chiếu rách, mái tóc rối tung. Khi Nguyệt vừa được đở lên thì một búng máu lại trào ra miệng. Bà Tám hết hoảng. Các cô khác thét lên kinh dị. Tuy bối rối, nhưng tôi cũng biết rằng có lẽ Nguyệt đã cắn nhầm phải lưỡi khi té, và bị xóc dậy nên máu trào ra. Tôi cảm thấy thương hại Nguyệt như một cô em gái. Trong khung cảnh điều tăm này, trong hoàn cảnh tuyệt vọng của một kiếp đọa đày, chúng tôi cùng đáng thương như nhau.

Tôi vội chụp lấy một miếng giẻ rách để lau vội mấy giòng máu,, xong bảo bà Tám để Nguyệt nằm lên gối cho cao. Xong tôi cố áo để đắp cho Nguyệt và xin chút dầu Nhị Thiên Đường .

Bà Tám tay thì giựt tóc mai của cô gái, miệng thì léo nhéo :

- Trời ơi, cậu làm ớn kêu tên cô dùm tôi đi. Cô mà có bề nào là cậu mang tiếng ác đó !

Anh Hai tiếp lời :

- Anh hát hò làm sao mà người ta cảm anh, cố mà chết là anh ra năm conex đó.

Tôi gọi tên cô ta mà trong bụng rửa thâm mù Tám ranh mãnh. Nếu Nguyệt có bề nào thì chính mù ta và trưởng trại trực tiếp chịu trách nhiệm, Nguyệt vẫn không nhúc nhích. Chán nản, anh Hai ra lệnh tôi trở về đội. Vừa ra khỏi cửa, tôi nghe các cô la lên :

– Kia, nó đã tỉnh dậy rồi !

Từ đó tôi mang thêm biệt danh «Bác sĩ hão hoa»



Phi bản IV : THƯỜNG TIẾC

CHƯƠNG NĂM

Một năm nữa lại trôi qua, tin tức của Lý ngày càng bất tử khi nông trường thành lập.

Một sáng tinh sương, có tin là một ghe máy chở tù nhân từ nông trường được đưa trở về trại. Tôi vội xin trưởng phòng cho đi gánh nước để biết rõ hơn. Thì ra nông trường cho đưa những can phạm bị bệnh quá nặng trở về trại vì con số chết chóc quá nhiều. Trong số bệnh nhân đó tôi tìm gặp Tí chuột, hiện chỉ còn là bộ xương cách trí. Nó nói vội với tôi :

– Nè, có thư của Lý gửi cho bồ. Nó đau nặng lắm, nhưng Đức Râu không cho nó về, bảo là nó lâm bệnh. Tui bị thổ huyết, tui nó cho về chắc là gần ngày theo ông bà rồi chớ để gì.

Nhìn cặp mắt thâm quầng của nó, tôi đâm ra ân hận vì mình thiếu hẳn tình cảm với nó khi còn ở chung trại. Tôi nắm bàn tay xương xẩu của nó và nói :

– Mai mày ghé đội, tao cho dưỡng.

Đọc xong thư Lý, tôi quyết lên thăm nó để an ủi.

vì nó tuyệt vọng quá. Từ khi tôi đi hát, tên Năm Sơn trưởng phòng thường pha trò :

— Cô đào khả ái bữa nào đi hát xong, để nguyên đó lại đây nói chuyện coi nào, làm anh em cười rộ lên. Tôi thấy ghét bản mặt của hắn nhưng ngộ biến phải từng quyền. Tôi quyết định lợi dụng hắn để xin đi thăm Lý ở nông trường.

Và tôi được phép tháp tùng ghe chở gạo lên nông trường. Sau cuộc hành trình qua những đồng hoang hiu quạnh, chúng tôi tới một bãi sinh vừa được đắp cao, trên đó là mấy dãy nhà lá thấp lè tè, nối liền bằng mấy cây cầu khi. Một đám muối bay vù vù ra đón chúng tôi. Qua lớp kẽm gai, các tù nhân đang đào kinh, vét mương : Những con kinh vô nghĩa, những cái mương không xài vào đâu. Tôi bắt gặp những bộ xương khô mang những bao cát rách và những cặp mắt lơ đãng trên những gương mặt xanh mét. Tôi gặp lại Lý đang nằm bất động trên chiếc chiếu nát, cái đầu cao trọc, đôi mắt thất thần quá to vì gương mặt đã hóp hẳn lại.

Trời ơi ! Chúa ơi ! những người này có tội gì mà hành hạ họ như vậy. Những kẻ có tội với nhân dân, đã vờ vết của cải nhân dân, họ đã bỏ trốn từ lâu. Nếu các người có giỏi, cứ đi tìm họ về, công họ lại, nhốt họ lại. Hãy tha những người này ra, họ quá nghèo, quá vô tội nên không bỏ trốn. Họ là nạn nhân của tất cả mọi chế độ. Cải tạo họ, bằng cách này chứng tỏ sự yếu kém của chính quyền các người. Hãy tha họ ra, và họ sẽ quên đi hận thù mà cùng

nhau xây dựng đất nước. Lý chấy nước mắt khi tôi mang cho nó hộp sữa và bắt nó hứa phải gượng sống mà chờ ngày gặp lại.

Trên con đường trở về trại, tôi cảm thấy mệt mỏi, chán chường, tự hỏi tại sao cùng một màu da, cùng một giọng máu mà họ có thể tàn nhẫn với nhau được như vậy.

Sau đó, được tin Lý bình phục tôi rất mừng, và nó có gửi tặng tôi một cặp gà tre nhỏ xíu. Thời gian lại lặng lẽ trôi qua cho tới khi một trận lụt lớn nhất từ mười mấy năm qua làm ngập cả mấy vùng miền lục tỉnh. Chúng tôi phải đắp bờ đê quanh trại để chặn nước, vậy mà bên trong vẫn ngập và chúng tôi phải cất sập cao để ngủ.

Chúng tôi không được ăn gạo từ lâu, mà chỉ có bột và bo bo. Ăn bo bo vào thì gà hết đẻ. Ăn bo bo mỗi ngày thì chúng tôi sinh ra kiết lỵ và đau bao tử. Tôi ngã bệnh nặng và liệt giường cả tuần, nằm co quắp trong chiếc mền lính của Lý cho. Lúc đó thì Tí chuột bị thổ huyết cũng chết. Hai con gà của tôi, niềm an ủi cuối cùng của tôi cũng bị bệnh toi mà chết đi. Từ khi ngập lụt, thậm chí nuôi cũng bị đình chỉ. Không biết nông trường có sao không. Tôi đã kiệt lực rồi, tôi đã hết sức chịu đựng rồi. Ba năm sáu tháng đã qua. Nghỉ lại mà tức, sống thoi thóp tới nay thì phải đành buông tay. Tôi chỉ tiếc là mình sẽ ra đi vĩnh viễn mà không gặp lại mẹ cha, không gặp lại Lý.

Thế nhưng, trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó thì tôi được tha ra. Lúc ấy vào cuối năm 1978, có chiến dịch cho

phép người Hoa được ra đi bán chính thức. Một số người Hoa được tha từ các trại, nếu họ đóng cho chính phủ một số vàng. Gia đình tôi nhờ chạy chọt đúng chỗ nên tôi được tha cùng một số bạn tù người Việt gốc Hoa. Tôi không ngờ tôi lại có thể bước đi trên con đường nhựa, có thể leo lên xe đò : ước mơ bé nhỏ của tôi trong mấy năm qua. Các bạn đỡ tôi lên ghe vì tôi quá yếu. Chợ Cai Lậy bị ngập lấp xấp, xe đò bị ngập nước phân nửa bánh xe. Tôi nhận lại ít lời cho Lý, rồi xin giấy tử nôi chôn tù đây đã lưu lại một phần của đời tôi.

Bước chân vào nhà sau hơn ba năm cách biệt, tôi thấy như người về từ một cõi xa xăm nào. Căn nhà rộng rãi và xinh xắn trở nên tiêu điều và xơ xác. Người miền Nam tự động biến họ thành những con người xóc xếch, biến nhà cửa họ thành nghèo nàn dơ dáy, để «phù hợp» với chế độ này.

Thành phố nay chỉ còn có xe đạp. Chợ búa trống trải và sạch sẽ vì không có gì để bán. Tôi bị tước quyền công dân và có thể bị bắt lại để giam giữ mà không cần có lý do, vì giấy tờ tôi đã bị tịch thu, chỉ còn tờ «giấy tạm tha». Dân chúng nghèo xác xơ ra và họ đã mất hẳn tính vui vẻ hồn nhiên. Anh rể tôi đã chết trong trại cải tạo ở Nghệ Tĩnh. Chị tôi mang khăn tang mà làm lễ siêu thoát cho anh. Nghe lời kinh của nhà sư trong buổi lễ tổ chức lên lút tại nhà, tôi muốn rơi nước mắt. Đã có bao nhiêu đồng đội của tôi đã ra đi một cách tức tưởi mà không nghe được câu tụng niệm : «Người đã qua được biển trầm luân,

nay hãy dời dời yên nghỉ».

Sài Gòn thay đổi hẳn từ khi mang tên Hồ Chí Minh. Dân chúng sống trong sự kềm kẹp, sự lo âu, sự đói khát và ai cũng muốn ra đi.

Tham nhũng đầy dẫy, bất công lan tràn, có người đã nói :

«Nêu cây cột đèn có chân thì nó cũng đã bỏ đi lâu rồi».

Kế hoạch kinh tế mới bị thất bại một cách thảm hại. Chính quyền mới đi từ thất bại này tới thất bại khác, mà cứ đổ tội cho «đế quốc Mỹ» và «chánh quyền nguy». Thật buồn cười thay. Từ khi chánh quyền tuyên chiến với người anh em «Trung quốc vĩ đại» thì có tin là họ đang tìm bắt trở lại các anh em binh sĩ và công chức được thả ra từ các trại cải tạo. Không thể ở lại được trong tình trạng này, tôi quyết định ra đi.

Từ Rạch Giá, ra Tắc Cậu năm chờ ghe một thời gian, một hôm kia chúng tôi được tin sắp ra khơi. Mọi người mang vốn vện ít bộ quần áo mặc chồng vào nhau, hấp tấp xuống ghe. Chiếc ghe cá của tôi đi mang số VNKG. 0711 rời khỏi hải phận Việt Nam ngày 5-5-1979. Xin vĩnh biệt Việt Nam, vĩnh biệt mọi người thân yêu, xin vĩnh biệt «Hỏa ngục đỏ, mối tình của tôi» : Mối tình bạn đậm đà, mối tình yêu cam nín, mối tình gia đình thâm sâu, mối tình người muôn thuở.

Chiếc ghe chở nặng suýt bị chìm đắm trong hai

trận bão lớn. Nằm trong khoang chật hẹp, tôi tự hỏi tại sao mình lại còn đây, và tại sao chiếc ghe nhỏ như quả trứng lại chưa bể ra tan tành dưới giông tố tới bởi. Ghe chúng tôi bị hải tặc Thái Lan cướp và lột hết vòng vàng tiền bạc, lần sau thì vì chúng tôi tỏ vẻ kháng cự nên bị hải tặc bỏ chạy luôn mà không chặn chúng tôi lại.

Ba ngày sau tôi hải phận Mã Lai thì bị lính tuần cảnh kéo đem bỏ ra ngoài khơi.

Tàu cạn dầu, hư máy, trôi dạt trên biển cho đến ngày thứ sáu. Chúng tôi đói lả và kiệt lực, trên tàu đã có người chết.

Trong hoàn cảnh bi đát đó, tàu chúng tôi may mắn cập vào một hòn đảo hoang «Pulau Tioman». Tại tôi phá tàu để khỏi bị tống ra biển.

Sống đùm bọc nhau trong một thời gian thì hội Hồng Thập Tự và U.N.H.C.R. cho trực thăng đi tìm chúng tôi, và cho ghe đưa chúng tôi về trại Cherating, trại này lớn thứ nhì sau Pulau Bidong.

Trong suốt cuộc hành trình, tôi vẫn mang theo trong người hình Đức Mẹ, đã che chở cho tôi trong những giây phút tuyệt vọng nhất.

Nhờ tôi nói thông thạo Anh và Pháp Ngữ nên được chỉ định làm thông ngôn cho văn phòng trại. Tôi may mắn nhờ một phóng viên RTL cho gia đình bảo đảm của tôi bên Pháp hay, nên ngày 1-8-1979, thành phố Paris hiện ra trong tầm mắt tôi. Sau thành phố Sài Gòn yêu dấu, thành phố Paris có vẻ đẹp lạ lùng, có lẽ vì đây là vùng đất

tự do.

Tôi đã bật tin của Lý. Tôi đã mất hẳn quê hương. Ngày nay tôi còn lại gì ngoài niềm hy vọng sẽ có ngày về thăm lại quê hương, và ngày đó «mối tình tôi» sẽ không còn là «hỏa ngục đỏ» mà sẽ là nơi sum họp mọi nhà, nơi trăm hoa đua nở và sẽ không còn trại tập trung, sẽ không còn nghèo đói, sẽ không còn hận thù. Ngày đó, xin hãy đến với dân tộc chúng tôi.

87

Xin tiếp tục xem Phụ bản đính kèm sau đây